

Bản tin

THỊ TRƯỜNG SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP

BAN CHỈ ĐẠO BỘ CÔNG THƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

SỐ 9 NĂM 2020

KỲ 1 THÁNG 5 NĂM 2020

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:



Cục Công Thương địa phương



Trung tâm Thông tin
Công nghiệp và Thương mại

Giấy phép xuất bản:

Số 47/GP-XBBT

Cấp ngày 20/8/2019

Ý kiến phản hồi đề nghị liên hệ:

Trung tâm Thông tin

Công nghiệp và Thương mại

Địa chỉ:

Tầng 6 - 655 Phạm Văn Đồng,

Bắc Từ Liêm - Hà Nội

Tel: (024) 37152585

Fax: (024) 37152574

MỤC LỤC

- 2 **TỔNG QUAN**
THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA
- 3 Thị trường nông, lâm, thủy sản từ ngày 1/5/2020 đến 13/5/2020
- 5 Tháng 4/2020: Giá sấu riêng có xu hướng giảm so với cùng kỳ năm trước
- THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU**
- 7 Tháng 4/2020, xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sang nhiều thị trường chủ lực giảm
- 10 Kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sang Thổ Nhĩ Kỳ tăng 2,2% trong 4 tháng đầu năm 2020
- 13 UAE - thị trường xuất khẩu nông, lâm, thủy sản nhiều tiềm năng
- THÔNG TIN SẢN XUẤT - XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI**
- 17 Đồng Tháp chú trọng xây dựng thương hiệu nông, thủy sản và áp dụng công nghệ cao vào sản xuất
- 19 Xúc tiến thương mại nông sản, thực phẩm Việt Nam sang Ấn Độ
- 19 Bộ Công Thương và VCCI kết nối thị trường, đẩy mạnh xuất khẩu
- 21 Vùng xoài Yên Châu xuất khẩu chính ngạch 30 tấn đầu tiên sang Trung Quốc
- 21 Doanh nghiệp Nhật Bản cần nhập khẩu dừa tre/gỗ dùng một lần
- THÔNG TIN CHÍNH SÁCH - ĐẦU TƯ**
- 22 Thuế chống bán phá giá cho cá tra Việt Nam vào Mỹ giảm
- 22 Ngao hai cùi đã được phép xuất khẩu chính ngạch vào Trung Quốc
- THỊ TRƯỜNG NÔNG SẢN THẾ GIỚI**
- 23 Giá nông sản toàn cầu tăng trở lại trong nửa đầu tháng 5/2020
- 25 Nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản vào Nhật Bản giảm 4,4% trong quý I/2020
- 28 **TIN VĂN**



Tại thị trường trong nước, giá nhiều mặt hàng nông, thủy sản trong 15 ngày đầu tháng 5/2020 đã tăng trở lại trong bối cảnh những tác động tiêu cực từ dịch Covid-19 giảm bớt. Đáng chú ý, quyết định của Chính phủ cho phép xuất khẩu gạo trở lại bình thường từ ngày 1/5/2020 và nhu cầu tích trữ lương thực tại một số quốc gia ở mức cao đã giúp giá lúa, gạo được điều chỉnh tăng 200 – 400 đ/kg so với tuần cuối tháng 4/2020, trong đó giá gạo thành phẩm IR 504 tại Đồng bằng sông Cửu Long đã tăng lên mức cao nhất trong nhiều năm qua.

Trong khi đó, giá nhiều mặt hàng thủy sản cũng tăng trở lại khi nhu cầu tại thị trường nội địa khả quan hơn. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của hạn hán, xâm nhập mặn, dịch bệnh, đặc biệt tại các tỉnh thuộc Đồng bằng sông Cửu Long, dịch Covid-19 vẫn diễn biến phức tạp tại các thị trường tiêu thụ chính, nên hoạt động sản xuất và nuôi trồng thủy sản chưa thực sự hồi phục.

Tại các địa phương vùng Đồng bằng sông Cửu Long - vùng trồng cây ăn quả chủ lực của nước ta, hiện hạn mặn khiến diện tích trồng cây ăn quả nói chung và các vùng trồng sầu riêng bị thiệt hại nặng nề, nhiều nơi phải chặt bỏ cây vì bị khô và héo do thiếu nước. Diễn biến này đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến năng suất, chất lượng sầu riêng, là nguyên nhân chính khiến mặt bằng giá sầu riêng tại vườn giảm mạnh và hiện ở mức 25.000-26.000 đ/kg, thấp hơn khoảng 10.000 đ/kg so với mức giá trong tháng 4/2020.



Trong lĩnh vực xuất khẩu, kim ngạch xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản trong tháng 4/2020 đạt 2,72 tỷ USD, thấp hơn so với mức ước tính đạt 2,87 tỷ USD trước đó do xuất khẩu rau quả, gỗ và sản phẩm gỗ giảm mạnh hơn dự kiến. Với kết quả này, tổng kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản trong 4 tháng đầu năm 2020 đạt 10,89 tỷ USD, giảm 1,8% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 13,5% trên tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước.

Trong thời gian tới, kỳ vọng xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sẽ phục hồi và đạt tốc độ tăng trưởng khả quan nhờ được hỗ trợ bởi nhiều yếu tố tích cực về cả thị trường và mặt hàng. Riêng đối với Trung Quốc, tình hình dịch bệnh tại thị trường này đã cơ bản ổn định, nhiều địa phương đã cho phép khôi phục lại hoàn toàn hoặc một phần các hoạt động sản xuất kinh doanh, bên cạnh đó, các cơ quan chức năng nước này cũng có nhiều biện pháp hỗ trợ các doanh nghiệp, vì vậy dự kiến tình hình xuất khẩu hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang Trung Quốc sẽ dần ổn định và tăng trưởng mạnh mẽ hơn nữa.

Một số thông tin đáng chú ý:

▶ Ngày 29/4/2020, Văn phòng Đăng ký Liên bang Mỹ đã chính thức công bố kết quả cuối cùng đợt xem xét hành chính lần thứ 15 (POR15) đối với các lô hàng xuất khẩu cá tra Việt Nam vào thị trường Mỹ trong giai đoạn từ ngày 01/8/2017 – 31/7/2018.

▶ Ngày 10/5/2020, Vụ Giám sát kiểm dịch động thực vật, Tổng cục Hải quan Trung Quốc đã chấp thuận bổ sung ngao hai cùi vào danh sách các loài động vật thủy sản của Việt Nam được phép nhập khẩu vào thị trường Trung Quốc.

THỊ TRƯỜNG NÔNG, LÂM, THỦY SẢN TỪ NGÀY 1/5/2020 ĐẾN 13/5/2020



Trong kỳ từ ngày 1/5 đến 13/5/2020, giá các mặt hàng như: Gạo, cà phê, điều... tiếp tục xu hướng tăng, đặc biệt giá thủy sản tăng khá mạnh trở lại.

+ Mặt hàng gạo: Quyết định cho phép xuất khẩu gạo trở lại trạng thái bình thường đã giúp giá lúa gạo tại Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) trong nửa đầu tháng 5/2020 tăng 200 – 400 đ/kg so với tuần cuối tháng 4/2020. Tại TP. Cần Thơ, giá thu mua lúa dao động ở mức 4.900 – 5.000 đ/kg đối với lúa IR 504. Các loại lúa hạt dài OM 5451, OM 4218, OM 380... đang được thu mua với giá 5.100-5.400 đ/kg.

Giá gạo IR504 tại một số tỉnh ĐBSCL đã tăng lên mức cao nhất trong nhiều năm qua. Cụ thể, giá gạo nguyên liệu IR 504 tăng 100 đ/kg so với nửa cuối tháng 4/2020, đạt 8.400 đ/kg; gạo thành phẩm IR 504 tăng 200 đ/kg, đạt 10.100 đ/kg. So với đầu năm nay, giá gạo IR 504 đã tăng 1.800 – 2.600 đ/kg.

Giá gạo 5% tấm xuất khẩu ổn định ở mức 440 - 450 USD/tấn, cao nhất trong vòng gần 2 năm. Trong nửa đầu tháng 5/2020, không có nhiều hợp đồng mới được ký kết vì nguồn cung trong nước không còn nhiều, nhu cầu cũng không có nhiều biến động.

+ Mặt hàng cà phê: Trong nửa đầu tháng 5/2020, giá cà phê nhân xô tại các vùng trọng điểm Tây Nguyên tăng 3,7% (tương ứng 1.100 đ/kg) so với cuối tháng 4/2020, đạt 30.600 đ/kg. Giá cà phê tăng trở lại do kỳ vọng việc tháo dỡ các biện pháp giãn cách xã hội tại nhiều quốc gia trên thế giới sẽ thúc đẩy tiêu thụ cà phê toàn cầu tăng trưởng trở lại.

+ Mặt hàng thủy sản: Sau một thời gian sụt giảm do ảnh hưởng từ dịch Covid-19, giá thủy sản trong nước trong nửa đầu tháng 5/2020 có dấu hiệu tăng trở lại. Tại Đồng Tháp, giá cá tra thịt trắng loại 1 tăng 300 đ/kg, lên mức 18.800 đ/kg. Thị trường cải thiện khi mức thuế chống bán phá giá đối với cá tra xuất khẩu sang thị trường Mỹ giảm mạnh. Bên cạnh đó, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này sang một số thị trường cũng có dấu hiệu tăng trưởng khả quan.

Từ đầu tháng 4/2020, giá tôm cũng dần tăng trở lại. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của hạn hán, xâm nhập mặn, dịch bệnh trên tôm, dịch Covid-19 phức tạp tại các thị trường tiêu thụ chính, nên người dân vẫn e dè trong việc thả nuôi. Nếu những điểm trên không được khống chế, sẽ rất dễ xảy ra thiếu hụt nguyên liệu tôm khi thị trường hồi phục. Tại Đồng Tháp, giá tôm càng xanh tăng 20.000 đ/kg trong nửa đầu tháng 5/2020, đạt 220.000 đ/kg; tại Đà Nẵng, giá tôm sú tăng 40.000 đ/kg, đạt 240.000 đ/kg.

+ Mặt hàng điều: Giá hạt điều tươi tại Bình Phước trong nửa đầu tháng 5/2020 tăng nhẹ 500đ/kg, dao động từ 14.000 – 16.000 đ/kg; điều khô tăng 2.000 đ/kg, đạt 30.000 đ/kg. Giá xuất khẩu điều nhân trong ngắn hạn có xu hướng tăng do EU tăng dự trữ điều và Trung Quốc đang dần phục hồi kinh tế.

Tại EU, các nhà nhập khẩu đang có nhu cầu cao mua điều để dự trữ vì lo ngại đại dịch Covid-19 lan rộng ở châu Phi sẽ ảnh hưởng đến nguồn cung điều thô. Trong khi đó, việc Ấn Độ kéo dài chính sách cách ly xã hội đến hết ngày 17/5/2020 khiến hoạt động chế biến điều thô tại các nhà máy bị gián đoạn. Liên đoàn Công nghiệp điều Ấn Độ cho biết khoảng 15.000 tấn hạt điều thô đang tồn đọng tại các nhà máy chế biến trên khắp cả nước. Đây là yếu tố thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu điều nhân của Việt Nam khi người mua chuyển sang hạt điều của Việt Nam thay thế nguồn cung từ Ấn Độ

bị hạn chế.

+ Mặt hàng cao su: Giá thu mua cao su của Tổng Công ty Cao su Đồng Nai tiếp tục giảm từ 3% - 8% (500 – 900 đ/kg) so với nửa cuối tháng 4/2020. Trong đó, mủ cao su nước tại vườn đạt 26.000 đ/kg, giảm 3.900 đ/kg, mủ chén dây khô giảm 500 đ/kg, mủ đông khô đạt 6.900 đ/kg... Như vậy, giá thu mua cao su tại Đồng Nai đã giảm 2.300 - 3.400 đ/kg so với đầu năm nay, riêng mủ nước tại vườn giảm 6.400 đ/kg. Giá cao su giảm mạnh từ đầu năm đến nay trong bối cảnh dịch Covid-19 đã tác động tiêu cực đến tình hình tiêu thụ cao su toàn cầu.

Tham khảo giá nông, lâm, thủy sản tại thị trường trong nước ngày 13/5/2020

Tên hàng	Ngày 13/5/2020 (đ/kg)	So với ngày 28/4/2020 (%)	So với đầu năm 2020 (%)	So với cùng kỳ năm 2019 (%)
Gạo NL IR 504	8.400	1,2	27,3	24,4
Gạo thành phẩm IR 504	10.100	2,0	34,7	32,9
Tấm gạo IR 504	7.700	5,5	20,3	19,4
Cám vàng	5.750	2,7	19,8	13,9
Cà phê nhân xô tại Tây Nguyên	30.600	3,7	-4,7	-4,1
Giá nhân điều tươi tại Bình Phước	16.000	3,2	-40,7	-5,9
Giá nhân điều xô tại Bình Phước	30.000	7,1	-18,9	-18,9
Giá nhân điều W240 tại Bình Phước	30.000	0,0		
Giá nhân điều W320 tại Bình Phước	32.000			
Tiêu đen Tây Nguyên và Nam Bộ	39.500	0,0	-6,0	-14,1
Cá tra thịt trắng loại 1 tại Đồng Tháp	18.800	1,6	-10,5	-23,3
Tôm càng xanh tại Đồng Tháp (100 g/con)	220.000	10,0	-4,3	0,0
Cá ngừ vằn tại Đà Nẵng	60.000	20,0	-14,3	20,0
Mực ống tại Đà Nẵng (17 - 24 cm/con)	160.000	77,8	14,3	23,1
Tôm sú tại Đà Nẵng (25 - 30 con/kg)	240.000	20,0	-25,0	-4,0
Tôm chân trắng tại Đà Nẵng (60 con/kg)	110.000	0,0	-8,3	-8,3
Giá cao su dạng nước tại Bình Phước (đ/độ)	230	0,0		
Giá cao su dạng thô tại Bình Phước (đ/độ)	10.500	5,0		
Cao su Tổng Công ty Cao su Đồng Nai				
Loại 1 (đ/độ)	242	-3,2	-19,3	
Loại 2 (đ/độ)	239	-3,2	-19,5	
Mủ nước tại vườn	26.000	-3,3	-19,8	
Mủ chén dây khô	9.100	-5,2	-27,2	
Mủ chén dây vừa	8.600	0,0	-25,2	
Mủ đông khô	6.900	-6,8	-33,0	
Mủ đông vừa	5.300	-8,6	-39,1	
Mủ dây khô	8.500	-5,6	-28,6	
Mủ dây ướt	5.400	-8,5	-38,6	
Mủ tận thu	900	-18,2	-71,9	

Nguồn: Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại tổng hợp

THÁNG 4/2020: GIÁ SẦU RIÊNG CÓ XU HƯỚNG GIẢM SO VỚI CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC



Từ đầu tháng 5/2020, một số tỉnh Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) đã bước vào vụ thu hoạch sầu riềng chính trong năm. Tuy nhiên, nếu như các địa phương thuộc Nam Bộ đang được mùa sầu riềng thì nông dân vùng ĐBSCL vẫn đang gặp rất nhiều khó khăn trong việc cứu những cây sầu riềng bị ảnh hưởng bởi hạn, mặn.

Tại tỉnh Bình Phước, toàn tỉnh hiện có 10.171 ha cây ăn quả, chiếm 2,39% diện tích cây trồng của tỉnh. Trong đó, sầu riềng hơn 1.600 ha, chiếm gần 16% diện tích cây ăn quả toàn tỉnh. Trong vụ thu hoạch năm 2020, sản lượng sầu riềng của toàn tỉnh được kỳ vọng sẽ cao hơn mức thu hoạch 5,2 nghìn tấn của năm 2019. Trồng sầu riềng cần nhiều vốn đầu tư, nhiều công chăm sóc nhưng bù lại thu nhập cao. Hiện ngành nông nghiệp tỉnh đã khuyến khích nông dân trồng sầu riềng theo hướng công nghệ cao, VietGAP, tạo

thương hiệu gắn với vùng chuyên canh và quy trình sản xuất, sản lượng và chất lượng ổn định.

Tại Lâm Đồng, trong năm 2020 tổng diện tích trồng sầu riềng tại huyện Đạ Huoai - thủ phủ sầu riềng của tỉnh Lâm Đồng đạt 3.350 ha và hiện toàn huyện đang bước vào chính vụ thu hoạch sầu riềng. Diện tích sầu riềng của huyện chủ yếu tập trung tại các địa phương như Hà Lâm, Phước Lộc, thị trấn Đạ M'ri, Đạ P'Loa và Đạ Oai... Trong vụ thu hoạch năm 2020, sản lượng sầu riềng toàn huyện ước đạt khoảng 25.000 tấn, cao hơn so với mức 23.000 tấn trong năm 2019. Hầu hết sầu riềng Đạ Huoai hiện đã được người dân chuyển đổi qua trồng các giống ghép Thái Lan cho năng suất, chất lượng cao như Mong Thong, Ri6 và Đô Na

Trong khi đó, tại nhiều địa phương vùng ĐBSCL, hạn mặn khiến diện tích trồng sầu riềng thiệt hại nặng nề. Nhiều

nơi phải chặt bỏ cây vì bị khô và héo do thiếu nước nên sản lượng sầu riêng năm nay dự báo giảm mạnh. Tiêu biểu như tại Tiền Giang, để cứu vườn cây vượt qua giai đoạn khó khăn, toàn tỉnh đã thực hiện đưa nước từ thượng nguồn sông Tiền về ứng cứu vườn trồng sầu riêng chuyên canh. Người dân được cấp phát nước ngọt miễn phí theo định mức. Mỗi ha vườn cây trên 5 năm tuổi được nhận 80m³, vườn cây dưới 5 năm tuổi sẽ được nhận 40m³, chia làm 4 đợt, mỗi tuần 1 đợt.

Trong bối cảnh thị trường xuất khẩu đang gặp nhiều khó khăn do tác động của dịch Covid-19 khiến việc xuất khẩu đang gặp khó khăn, nhất là tại thị trường Trung Quốc, hiện sầu riêng chủ yếu được tiêu thụ tại thị trường nội địa. Trong khi đó, sản lượng tăng lên do một số địa phương bước vào vụ thu hoạch cộng với tình trạng xâm nhập mặn đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến năng suất, chất lượng sầu riêng, là nguyên nhân chính khiến mặt bằng giá sầu riêng đang có xu hướng giảm so với cùng kỳ năm trước.



Tính đến trung tuần tháng 5/2020, giá bán lẻ sầu riêng Ri6 cơm vàng hạt lép và sầu riêng chuồng bò đứng ở mức 60.000 – 80.000 đồng/kg tùy loại, thấp hơn so với mức bình quân khoảng 90.000 đồng/kg cùng kỳ năm trước.

Riêng tại vùng ĐBSCL, thời điểm này đang vào mùa chính vụ sầu riêng (chủ yếu là giống Ri 6) nhưng giá bán tại vườn



đang giảm rất mạnh khiến nhiều người trồng sầu riêng thua lỗ mặc dù giá bán lẻ tại các chợ đầu mối, chợ dân sinh vẫn ở mức khá cao. Nguyên nhân là việc xuất khẩu sang Trung Quốc đang gặp khó khăn cũng như chất lượng sầu riêng năm nay giảm đáng kể.

Nếu như trong tháng 4/2020, giá sầu riêng tại vườn từ 35.000 - 36.000 đồng/kg (sầu riêng được tuyển chọn giá khoảng 45.000 đồng/kg) thì từ đầu tháng 5/2020 giá liên tục giảm và hiện đứng ở mức 25.000 - 26.000 đồng/kg, giá sầu riêng loại 1 cũng chỉ còn khoảng 35.000 đồng/kg.

Hiện tại các địa phương ĐBSCL, nhiều hộ trồng sầu riêng bị ảnh hưởng bởi xâm nhập mặn đã được chính quyền đưa ra nhiều giải pháp hỗ trợ. Trong đó, nhiều địa phương đã hỗ trợ nước ngọt nhằm cứu vườn cây sầu riêng bị hạn mặn. Bên cạnh đó, yêu cầu các địa phương khẩn trương rà soát, thống kê diện tích vườn cây bị thiệt hại, mức độ ra sao... nhằm có giải pháp khôi phục và hỗ trợ nông dân.

Đối với các địa phương khác trên cả nước, dự báo giá sầu riêng có thể sẽ tăng nhẹ trong thời gian tới vì các tỉnh ĐBSCL vẫn chịu thiệt hại từ hạn nặng, ảnh hưởng đến sản lượng thu hoạch, nhất là tại các vùng trồng sầu riêng lớn khu vực ĐBSCL như Long An, Tiền Giang, Bến Tre... Bên cạnh đó, thị trường tiêu thụ trái cây lớn là Trung Quốc và một số thị trường khác đang dần phục hồi trở lại.

THÁNG 4/2020, XUẤT KHẨU NÔNG, LÂM, THỦY SẢN SANG NHIỀU THỊ TRƯỜNG CHỦ LỰC GIẢM

Trong tháng 4/2020, hoạt động xuất khẩu 10 mặt hàng chủ lực của nhóm nông, lâm, thủy sản (gồm thủy sản, rau quả, gạo, hạt tiêu, hạt điều, chè, cà phê, cao su, sắn và các sản phẩm từ sắn, gỗ và sản phẩm gỗ) giảm mạnh hơn so với dự kiến trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến nghiêm trọng tại nhiều nền kinh tế chủ chốt trên thế giới. Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này trong tháng 4/2020 đạt 2,72 tỷ USD, giảm 11% so với tháng 4/2019, thấp hơn so với mức ước tính đạt 2,87 tỷ USD trước đó do xuất khẩu rau quả, gỗ và sản phẩm gỗ giảm mạnh hơn dự kiến. Với kết quả này, tổng kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản trong 4 tháng đầu năm 2020 đạt 10,89 tỷ USD, giảm 1,8% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 13,5% trên tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước.



Xét về thị trường xuất khẩu, nếu như trong tháng 3/2020, xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sang các thị trường hàng đầu như Mỹ, Trung Quốc, Asean... vẫn ghi nhận tăng trưởng, thì đến tháng 4/2020, kim ngạch xuất khẩu sang những thị trường này đã suy giảm đáng kể.

Đối với thị trường Mỹ, tính chung trong 4 tháng đầu năm 2020, Mỹ vẫn là thị trường xuất khẩu hàng đầu của nhóm hàng này với kim ngạch đạt gần 2,6 tỷ USD, tăng 9,8% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 23,4% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu, tăng đáng kể so với mức tỷ trọng chiếm 20,9% cùng kỳ năm trước, chủ yếu nhờ xuất khẩu hạt điều, gỗ và sản phẩm gỗ tăng 22,6% và 12,5%. Tuy nhiên, trong bối cảnh đại dịch Covid-19 lan rộng tại Mỹ từ giữa tháng 3/2020, đưa nước Mỹ trở thành tâm điểm bùng phát dịch Covid-19 của toàn cầu, kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này đã giảm đáng kể trong tháng 4 vừa qua.

Theo đó, với mức giảm lên tới 10,3% so với cùng kỳ năm trước trong tháng 4/2020, Mỹ đã xuống vị trí là thứ hai trong danh sách các thị trường xuất khẩu nông, lâm, thủy sản lớn nhất, sau Trung Quốc. Trong tháng này, diễn biến phức tạp của bệnh dịch đã khiến chính quyền Mỹ áp lệnh phong tỏa lên hơn 40 tiểu bang trên toàn nước Mỹ, kéo theo nhiều đơn hàng xuất khẩu của doanh nghiệp Việt Nam vào thị trường này bị tạm dừng. Trong đó, chịu ảnh hưởng rõ nhất là mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ cùng với mặt hàng thủy sản với kim ngạch xuất khẩu trong tháng 4 giảm lần lượt 22,1% và 11,2% xuống 1,6 tỷ USD và 377,5 triệu USD.

Đối với Trung Quốc, mặc dù nền kinh tế lớn thứ hai thế giới đã kiểm soát bệnh dịch tốt hơn trong tháng 4/2020, nhưng xuất khẩu hàng nông, lâm, thủy sản sang Trung Quốc vẫn gặp rất nhiều khó khăn trước hàng loạt biện pháp siết chặt kiểm soát đối với hoạt động trao đổi hàng hóa tại các cửa khẩu và đường mòn, lối mở của phía Trung Quốc nhằm hạn chế sự lây lan của dịch bệnh, khiến cho hoạt động thông quan giảm mạnh, cộng với hoạt động sản

xuất của nước này vẫn chưa thể hồi phục. Kim ngạch xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản sang Trung Quốc trong tháng 4/2020 đạt gần 684 triệu USD, giảm 13,2% so với cùng kỳ năm trước do kim ngạch xuất khẩu rau quả giảm 29,2% và cao su giảm 33,6%. Tính chung 4 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu nhóm hàng này sang Trung Quốc đạt 2,3 tỷ USD, giảm 12,1% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 20,8% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của cả nước.

Trong 4 tháng qua, cùng với Trung Quốc, xuất khẩu hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang một số thị trường chịu ảnh hưởng rõ nét nhất vì dịch Covid-19 như Hàn Quốc hay các nước EU cũng ghi nhận sự sụt giảm so với cùng kỳ năm trước.

Từ đầu năm 2020, trong bối cảnh hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam xuất khẩu sang một số thị trường chịu ảnh hưởng bởi dịch bệnh bị đình trệ, đặc biệt là thị trường Trung Quốc, Bộ Công Thương đã cùng một số Bộ, ngành chỉ đạo các đơn vị liên quan phối hợp với các thương vụ, đại sứ quán Việt Nam tại các nước trên thế giới triển khai nhiều giải pháp, qua đó nhằm phát triển thị trường tại các địa bàn trọng điểm, tiềm năng và thị trường ngách, tạo sự đột phá trong đa dạng hóa thị trường thay vì chỉ tập trung vào Trung Quốc. Điều này phần nào được thể hiện qua tốc độ tăng trưởng khá trong kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sang một số thị trường trong 4 tháng đầu năm 2020 như Nhật Bản, ASEAN, Canada, Đài Loan, Gana, Ả Rập Xê Út...

Trong thời gian tới, kỳ vọng xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản của Việt Nam

sẽ phục hồi và đạt tốc độ tăng trưởng khả quan nhờ được hỗ trợ bởi nhiều yếu tố tích cực. Trong đó, tiêu biểu là việc Việt Nam hiện đang được đánh giá là một trong những nước kiểm soát Covid-19 tốt nhất trên toàn cầu; hoạt động xuất khẩu gạo đã trở lại bình thường từ ngày 1/5/2020 cộng với tình hình dịch bệnh tại thị trường Trung Quốc đã cơ bản ổn định, nhiều địa phương đã cho phép khôi phục lại hoàn toàn các hoạt động sản xuất kinh doanh, bên cạnh đó, các cơ quan chức năng cũng có nhiều biện pháp hỗ trợ các doanh nghiệp, vì vậy dự kiến tình hình xuất khẩu hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang Trung Quốc sẽ dần ổn định và tăng trưởng mạnh mẽ hơn nữa.

Bên cạnh đó, trong tuần cuối tháng 4/2020, Bộ Thương mại Mỹ (DOC) đã thông báo kết quả chính thức của đợt rà soát thuế chống bán phá giá lần thứ 15 (POR15) cho giai đoạn từ ngày 1/8/2017 đến 31/7/2018 đối với sản phẩm cá tra, cá basa xuất khẩu của Việt Nam. Theo đó, mức thuế cuối cùng áp cho các doanh nghiệp đã tham gia trả lời bản câu hỏi và hợp tác với DOC là 0,15 USD/kg (tương ứng khoảng 3,8% giá xuất khẩu), giảm đáng kể so với đợt trước (POR14) là 1,37 USD/kg. Các doanh nghiệp không hợp tác sẽ nhận mức thuế 2,39 USD/kg, giữ nguyên so với POR14. Ngoài ra, hầu hết các doanh nghiệp xuất khẩu cá tra lớn của Việt Nam vẫn tiếp tục được hưởng mức thuế 0%. Đây là thông tin tích cực đối với các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang thị trường Mỹ và kỳ vọng xuất khẩu cá tra sẽ khả quan hơn sau khi dịch bệnh Covid-19 tại Mỹ được kiểm soát.

Một số thị trường xuất khẩu nông, lâm, thủy sản trong tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2020

Thị trường	Tháng 4/2020	So với tháng 4/2019	4 tháng năm 2020	So với 4 tháng năm 2019	Tỷ trọng
	(Nghìn USD)	(%)	(Nghìn USD)	(%)	(%)
TỔNG	2.724.057	-11,0	10.893.105	-1,8	100,0
Mỹ	569.000	-10,3	2.552.744	9,8	23,4
Trung Quốc	683.952	-13,2	2.263.409	-12,1	20,8
EU	327.915	-2,3	1.275.905	-5,0	11,7
<i>Đức</i>	<i>85.082</i>	<i>1,1</i>	<i>340.689</i>	<i>6,4</i>	<i>3,1</i>

Thị trường	Tháng 4/2020	So với tháng 4/2019	4 tháng năm 2020	So với 4 tháng năm 2019	Tỷ trọng
	(Nghìn USD)	(%)	(Nghìn USD)	(%)	(%)
Hà Lan	80.112	26,4	253.559	8,7	2,3
Italia	31.949	-24,1	142.401	-14,9	1,3
Tây Ban Nha	30.148	0,2	123.996	-8,2	1,1
Bỉ	36.757	58,1	120.171	16,9	1,1
Pháp	19.833	-38,5	104.432	-16,1	1,0
Ba Lan	7.277	-24,6	39.867	23,0	0,4
Đan Mạch	5.616	-0,3	23.813	1,5	0,2
Bồ Đào Nha	5.068	-70,0	22.075	-75,8	0,2
Thụy Điển	1.682	-59,8	16.093	-10,8	0,1
Hy Lạp	3.136	-17,7	13.319	-13,2	0,1
Phần Lan	557	14,7	2.590	-16,3	0,0
Cộng Hoà Séc	258	-50,0	1.557	-43,3	0,0
Hungary	0	-100,0	1.051	-60,1	0,0
Áo	0	-100,0	380	-46,3	0,0
Rumani	700	-25,2	4.580	-14,7	0,0
ASEAN	236.782	-11,0	974.924	10,1	8,9
Philippin	144.681	8,9	486.492	12,3	4,5
Malaysia	32.422	-51,2	192.757	-3,6	1,8
Thái Lan	36.267	-6,2	187.137	19,7	1,7
Indonesia	10.698	-0,7	38.897	11,0	0,4
Campuchia	6.632	52,2	30.896	73,6	0,3
Lào	4.134	-53,7	22.712	-24,6	0,2
Myanma	1.117	-44,8	10.881	237,7	0,1
Brunei	131	-88,2	571	-87,2	0,0
Singapore	20.441	10,2	69.912	0,5	0,6
Nhật Bản	265.125	14,2	1.004.851	9,0	9,2
Hàn Quốc	168.315	6,7	595.162	-2,3	5,5
Anh	47.783	-32,5	213.561	-18,3	2,0
Canada	39.261	33,2	176.137	62,8	1,6
Australia	35.911	-18,4	159.103	-6,8	1,5
Nga	41.774	13,4	146.340	3,0	1,3
Đài Loan	33.112	11,8	115.280	14,0	1,1
Hồng Kông	16.192	-21,8	69.930	-26,9	0,6
Ấn Độ	8.961	-62,4	69.733	-41,0	0,6
UAE	14.481	-5,9	63.465	7,3	0,6
Gana	7.440	-38,1	59.997	39,3	0,6
Irắc	3.248	18,7	57.078	-17,0	0,5
Angiêri	8.005	-32,7	43.773	2,8	0,4
Ả Rập Xê út	7.834	18,9	42.808	85,8	0,4
Ai Cập	9.305	-12,5	37.049	-10,8	0,3
Bờ Biển Ngà	7.554	101,2	36.389	145,7	0,3
Ixraen	8.265	-36,9	35.095	-26,0	0,3
Pakixtan	8.375	-25,6	32.818	-14,6	0,3
Mexico	3.599	-71,0	27.213	-54,8	0,2
Ukraina	4.434	-5,1	19.505	20,0	0,2
Braxin	813	-80,4	19.455	-23,0	0,2
Thổ Nhĩ Kỳ	3.358	-34,8	19.024	2,2	0,2
New Zealand	3.952	-12,0	16.835	-15,7	0,2

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan

KIM NGẠCH XUẤT KHẨU NÔNG, LÂM, THỦY SẢN SANG THỔ NHĨ KỲ TĂNG 2,2% TRONG 4 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

Thổ Nhĩ Kỳ có nền sản xuất nông nghiệp, thực phẩm phát triển và cũng là thị trường xuất khẩu nông sản, thủy sản lớn của thế giới. Một số loại nông sản đã đáp ứng được phần lớn nhu cầu trong nước như: Chè, các loại rau, trái cây. Tuy nhiên, nước này cũng có nhu cầu nhập khẩu nhiều loại nông sản, thủy sản để làm nguyên liệu phục vụ cho sản xuất, chế biến hàng xuất khẩu như: Cao su, điều thô, cà phê, ca cao...

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, trong tháng 4/2020, do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Thổ Nhĩ Kỳ giảm mạnh 49,6% so với tháng 3/2020 và giảm 34,8% so với cùng kỳ năm 2019, đạt 3,36 triệu USD. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu hầu hết các mặt hàng sang thị trường này đều giảm so với tháng trước như: Cao su giảm 57,2%, hạt tiêu giảm 11,6%, thủy sản giảm 58,8%...

Mặc dù giảm trong tháng 4/2020, nhưng tính chung 4 tháng đầu năm 2020 kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng nông,

lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Thổ Nhĩ Kỳ vẫn tăng 2,2% so với cùng kỳ năm 2019, đạt 19,02 triệu USD. Trong đó, cao su là mặt hàng xuất khẩu lớn nhất sang thị trường này với khối lượng đạt 6,97 nghìn tấn, trị giá gần 11 triệu USD, giảm 10,6% về lượng nhưng tăng 3,2% về kim ngạch so với cùng kỳ năm 2019.



Kim ngạch xuất khẩu thủy sản và gạo sang thị trường Thổ Nhĩ Kỳ giảm lần lượt là 20,4% và 37,4%.

Ngược lại, kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng khác lại tăng mạnh so với 4 tháng năm 2019 như: Hạt tiêu tăng 11,4%, gỗ và sản phẩm gỗ tăng 40,1%, chè tăng 34,4%.

Xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Thổ Nhĩ Kỳ trong tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2020

(ĐVT; Lượng: tấn; Kim ngạch: nghìn USD)

Tên hàng	Tháng 4/2020		So với tháng 3/2020 (%)		So với tháng 4/2019 (%)		4 tháng năm 2020		So với 4 tháng năm 2019 (%)	
	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch
Tổng kim ngạch		3.358		-49,6		-34,8		19.024		2,2
Cao su	1.071	1.506	-44,3	-57,2	-38,0	-41,2	6.972	10.988	-10,6	3,2
Hạt tiêu	724	1.375	-14,6	-11,6	33,8	13,0	1.847	3.447	35,4	11,4
Hàng thủy sản		320		-58,8		-69,2		2.684		-20,4
Gỗ và sản phẩm gỗ		133		-80,0		-41,7		1.546		40,1
Chè	12	24	-75,5	-76,9	-67,6	-57,1	94	210	16,0	34,4
Gạo		0					269	148	-43,6	-37,4

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Triển vọng xuất khẩu sang thị trường Thổ Nhĩ Kỳ

Là một trong những quốc gia đông dân nhất khu vực Trung Đông (khoảng 82,6 triệu người), do đó nhu cầu tiêu thụ thực phẩm của Thổ Nhĩ Kỳ khá cao. Mặc dù thực phẩm được sản xuất tại thị trường nội địa khá phong phú, nhưng có nhiều nhóm sản phẩm có nhu cầu vượt quá sản xuất hoặc nhập khẩu là nguồn cung duy nhất.

Chè và cà phê là thức uống phổ biến và được ưa chuộng tại Thổ Nhĩ Kỳ. Trong đó, chủ yếu tiêu thụ cà phê Arabica, còn cà phê Robusta (loại cà phê xuất khẩu chính của Việt Nam) tiêu thụ tương đối ít.

Mặc dù là nhà sản xuất các loại hạt lớn thứ ba trên thế giới, Thổ Nhĩ Kỳ nhập khẩu khối lượng lớn quả óc chó và hạnh nhân hàng năm, với khoảng hơn 75.000 tấn/năm. Có 55% quả óc chó tiêu thụ ở Thổ Nhĩ Kỳ được nhập khẩu. Đáng chú ý, với việc thuế nhập khẩu mặt hàng này từ năm 2018 giảm từ 43% xuống còn 15% đã mở ra cơ hội cho các nhà xuất khẩu trên toàn thế giới.

Trong khi đó, do sản xuất ca cao không phải là thế mạnh nên các nhà sản xuất bánh kẹo Thổ Nhĩ Kỳ (chiếm 2% trong ngành chế biến thực phẩm Thổ Nhĩ Kỳ) phần lớn dựa vào hàng nhập khẩu để phục vụ sản xuất. Trong số 130,9 triệu USD nhập khẩu bánh kẹo của Thổ Nhĩ Kỳ trong năm 2017, khoảng 70% (92,6 triệu USD) trong số đó là sô cô la.

Ngoài ra, hạt hướng dương ngày càng đóng vai trò quan trọng tại thị trường thực phẩm Thổ Nhĩ Kỳ, là một phần của nghi lễ tôn giáo trong các lễ hội như Ramadan. Tuy nhiên, hướng dương được trồng khá ít ở Thổ Nhĩ Kỳ. Thay vào đó, Thổ Nhĩ Kỳ thường nhập khẩu từ các thị trường chính như: Israen, Ả Rập Saudi và Tunisia...

Gia vị cũng là một trong những mặt hàng được nhập khẩu nhiều tại Thổ Nhĩ Kỳ. Trong phân khúc cao cấp nói riêng, các loại gia vị như ớt cayenne, hạt tiêu

đen, ớt đỏ nghiền và một số loại gia vị khác đang được ưa chuộng tại Thổ Nhĩ Kỳ. Hiện nay, hạt tiêu của Việt Nam cũng đang được đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường này.

Trong những tháng đầu năm 2020, xu hướng tiêu dùng tại Thổ Nhĩ Kỳ đang tăng mạnh đối với các sản phẩm đóng gói, chế biến sẵn. Các nhà sản xuất thực phẩm đóng gói của Thổ Nhĩ Kỳ và sản xuất thực phẩm ăn liền đã đẩy mạnh hoạt động để đáp ứng nhu cầu tăng mạnh do dịch Covid-19 khiến ngày càng nhiều người tiêu dùng dự trữ hàng hóa đóng gói. Nhu cầu đối với các sản phẩm thực phẩm làm sẵn đã tăng 400%, trong khi nhu cầu đối với các loại đậu đóng gói đã tăng 50%.



Đối với mặt hàng rau quả xuất khẩu của Việt Nam sang Thổ Nhĩ Kỳ, trong quý I/2020, hạnh nhân, cơm dừa, dừa là những mặt hàng được xuất khẩu chính sang thị trường này. Tuy nhiên, so với cùng kỳ năm 2019 kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng rau quả của Việt Nam sang thị trường này đều giảm.

Chủng loại rau quả xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Thổ Nhĩ Kỳ trong quý I/2020

Chủng loại	Quý I/2020 (nghìn USD)	So với quý I/2019 (%)
Hạnh nhân	590	-34,4
Cơm dừa	195	-72,8
Dừa	154	-9,6
Dứa	20	
Thanh long	6	28,8

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Mặt hàng cao su

Cao su là mặt hàng nguyên liệu được Thổ Nhĩ Kỳ đẩy mạnh nhập khẩu trong những năm gần đây. Theo số liệu của Trung tâm thương mại quốc tế (ITC), nhập khẩu cao su tự nhiên (HS 4001) của nước này đã tăng 53,5% trong giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2019 (từ 134,13 nghìn tấn lên 205,9 nghìn tấn).



Trong quý I/2020, nhập khẩu cao su tự nhiên của Thổ Nhĩ Kỳ tiếp tục tăng 3,2% so với quý IV/2019 và tăng 7,7% so với quý I/2019, đạt 54,35 nghìn tấn.

Trong đó, Indonesia và Thái Lan là hai nguồn cung cao su tự nhiên lớn nhất cho Thổ Nhĩ Kỳ trong quý I/2020, đạt lần lượt là 20,68 nghìn tấn và 19,38 nghìn tấn, tăng 12,2% và 1,3% so với quý I/2019.

Một số nguồn cung cao su tự nhiên (mã HS:4001) cho thị trường Thổ Nhĩ Kỳ trong quý I/2020

Thị trường	Quý I/2020 (tấn)	So với quý IV/2019 (%)	So với quý I/2019 (%)	Tỷ trọng (%)		
				Quý I/2020	Quý IV/2019	Quý I/2019
Tổng	54.355	3,2	7,7	100,0	100,0	100,0
Indonesia	20.686	9,8	12,2	38,1	35,8	36,5
Thái Lan	19.382	8,2	1,3	35,7	34,0	37,9
Việt Nam	7.954	-2,5	14,9	14,6	15,5	13,7
Malaysia	3.483	1,0	5,7	6,4	6,5	6,5
Bờ Biển Ngà	2.520	-32,4	6,8	4,6	7,1	4,7
Camrún	81	-49,5	-32,7	0,1	0,3	0,2
Guatemala	65	50,0		0,1	0,1	0,0
Cônggô	42			0,1	0,0	0,0
Tây Ban Nha	41	-45,5	2.181,3	0,1	0,1	0,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Trung tâm thương mại quốc tế

Việt Nam đứng thứ ba về thị trường xuất khẩu cao su tự nhiên cho Thổ Nhĩ Kỳ trong quý I/2020, đạt 7,95 nghìn tấn, tăng 14,9% so với cùng kỳ năm 2019. Thị phần cao su của Việt Nam chiếm 14,6% tổng khối lượng cao su nhập khẩu vào Thổ Nhĩ Kỳ trong quý I/2020, tăng nhẹ so với mức 13,7% của cùng kỳ năm 2019.

Nhìn chung tình hình nhập khẩu cao su của Thổ Nhĩ Kỳ trong quý I/2020 khá khả quan, tuy nhiên tình hình tiêu thụ cao su của nước này trong thời gian tới có thể bị ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19.

Theo dữ liệu của Hiệp hội các nhà sản xuất ô tô Thổ Nhĩ Kỳ (OSD), sản xuất ô tô của Thổ Nhĩ Kỳ trong 3 tháng đầu năm 2020 đạt tổng cộng 341.136 chiếc, giảm 6% so với cùng kỳ năm 2019, trong khi tổng doanh số xuất khẩu cũng giảm 14% xuống còn 276.348 chiếc. Cao su được sử dụng chủ yếu trong ngành sản xuất săm lốp ô tô.

Sau khi giảm xuống mức thấp nhất trong 16 năm qua vào năm 2019, doanh số bán ô tô tại Thổ Nhĩ Kỳ cho thấy sự phục hồi đáng chú ý trong hai tháng đầu năm nay, trong bối cảnh lãi suất thấp hơn. Tuy nhiên, hầu hết các nhà sản xuất ô tô lớn của Thổ Nhĩ Kỳ đã tạm dừng sản xuất vào cuối tháng 3/2020, do ảnh hưởng của dịch Covid-19, sản lượng ô tô có thể sẽ chạm đáy vào tháng 4/2020.

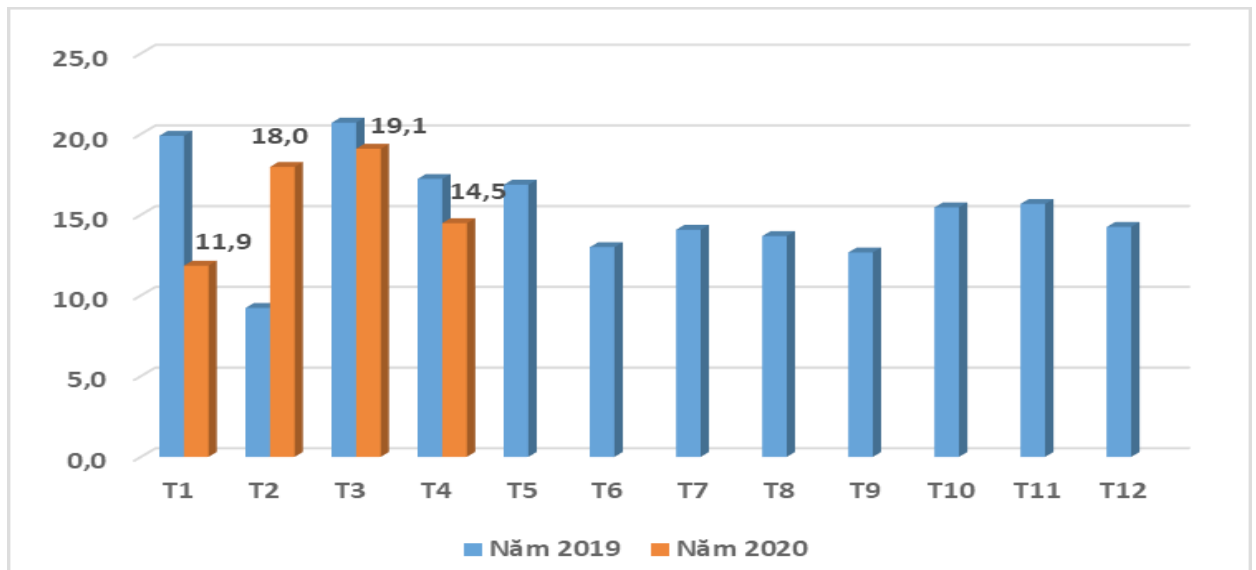
UAE - THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU NÔNG, LÂM, THỦY SẢN NHIỀU TIỀM NĂNG

Do bị gián đoạn bởi dịch Covid-19 nên kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Các Tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất (UAE) trong tháng 4/2020 giảm 24,2% so với tháng 3/2020 và giảm 15,8% so với cùng kỳ năm 2019.

Tính từ đầu năm 2020 đến hết tháng 4/2020, xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang UAE đạt 63,46 triệu USD, giảm 5% so với cùng kỳ năm 2019.



Kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường UAE năm 2019- 2020 (ĐVT: triệu USD)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Trong 4 tháng đầu năm 2020, rau quả là mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu cao nhất sang thị trường UAE, đạt 17,28 triệu USD, tăng 31,8% so với cùng kỳ năm 2019.

Bên cạnh đó, xuất khẩu hạt điều sang thị trường này cũng tăng mạnh 44,1% về lượng và 2,1% về trị giá so với 4 tháng năm 2019. Đáng chú ý, mặt hàng chè xuất khẩu

sang thị trường UAE tăng mạnh 224,1% về lượng và 200,5% về trị giá.

Ở chiều ngược lại, kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng sang thị trường UAE giảm so với 4 tháng năm 2019 như: Hàng thủy sản giảm 12,1%, hạt tiêu giảm 22,6%, gạo giảm 7,9%, gỗ và sản phẩm gỗ giảm 31,9%.

Xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường UAE trong tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2020

(ĐVT; Lượng: tấn; Kim ngạch: nghìn USD)

Tên hàng	Tháng 4/2020		So với tháng 3/2020 (%)		So với tháng 4/2019 (%)		4 tháng đầu năm 2020		So với 4 tháng năm 2019 (%)	
	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch
Tổng kim ngạch		14.481		-24,2		-15,8		63.465		-5,0
Hàng rau quả		5.272		0,3		98,5		17.281		31,8
Hàng thủy sản		3.512		-14,6		-39,5		16.658		-12,1
Hạt tiêu	874	1.875	-41,2	-39,0	-30,8	-37,5	4.376	9.097	-11,1	-22,6
Gạo	2.917	1.602	-28,0	-28,7	-37,4	-34,1	15.539	8.437	-9,6	-7,9
Gỗ và sản phẩm gỗ		1.276		-37,1		-38,5		6.125		-31,9
Hạt điều	118	568	-70,6	-72,5	-26,7	-52,4	902	4.442	44,1	2,1
Chè	221	376	1,4	21,6	860,9	1.001,5	940	1.426	224,1	200,5

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Trong thời gian tới, xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường UAE được đánh giá có nhiều tiềm năng tăng trưởng.

Ngân hàng Trung ương UAE ngày 5/4/2020 thông báo nước này đã giải ngân gói kích thích kinh tế trị giá 70 tỷ USD, tăng gấp đôi so với kế hoạch công bố vào tháng 3/2020 nhằm hỗ trợ nền kinh tế bị ảnh hưởng do dịch Covid-19.

Trong đó, thuế nhập khẩu vào UAE sẽ giảm 20% cho tất cả hàng hóa nhập khẩu trong 3 tháng. Điều này sẽ đưa thuế suất giảm xuống còn 4% thay vì 5% đối với các mặt hàng thực phẩm.

Do điều kiện tự nhiên, thời tiết, đất đai thổ nhưỡng không thuận lợi và phù hợp cho sản xuất nông nghiệp nên UAE phải nhập khẩu 80% – 90% mặt hàng lương thực, thực phẩm để đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng.

UAE hiện là trung tâm tái xuất hàng hóa lớn thứ 3 trên thế giới, đồng thời là thị trường có sức mua lớn và khả năng thanh toán cao, có nhu cầu nhập khẩu lớn đối với nông sản, thủy sản, thực phẩm chế biến.

Theo công ty tư vấn đầu tư và ngân hàng Alpen Capital, mức tiêu thụ thực phẩm ở UAE ước tính sẽ đạt 10,3 triệu tấn vào năm 2030, so với 8,3 triệu tấn vào năm 2018. Có 4 động lực chính làm tăng trưởng tiêu thụ thực phẩm ở UAE là:

+ Thứ nhất là sự gia tăng dân số và tốc độ đô thị hóa cao, năm 2018, tổng dân số của UAE là 9,63 triệu người, tăng mạnh so với chỉ 3 triệu người vào năm 2000. Dân số tăng kéo theo tăng trưởng tiêu thụ thực phẩm tại UAE, đồng thời gia tăng đô thị hóa và dòng cư dân ngày càng tăng đã nâng cao nhu cầu về thực phẩm đóng hộp và ẩm thực nước ngoài. Mặt khác, UAE là một trong những nơi có mức chi tiêu cao nhất trên thế giới.



+ Yếu tố thứ hai là tăng nhận thức về thói quen ăn uống lành mạnh, điều này đã thúc đẩy nhu cầu về thực phẩm hữu cơ, thực phẩm không đường, chất béo và chất bảo quản, có chứa hàm lượng muối thấp.

+ Thứ ba là tăng đầu tư để thúc đẩy du lịch như là một phần của những nỗ lực liên tục nhằm đa dạng hóa nền kinh tế.

+ Yếu tố thứ tư là sự phát triển của ngành dịch vụ thực phẩm, dự kiến sẽ có triển vọng tăng trưởng tốt hơn do các hoạt động quốc tế đa dạng. Khu vực này dự kiến sẽ tăng trưởng với tốc độ hàng năm (CAGR) là 8,4% vào cuối năm 2023.

Hàng thủy sản:

Theo Bộ Môi trường và Biến đổi Khí hậu UAE, thị trường này nhập khẩu khoảng 70% hàng thủy sản để phục vụ nhu cầu tiêu dùng, chủ yếu từ Trung Quốc, Na Uy, Scotland, Sri Lanka và Tunisia. Tiêu thụ thủy sản bình quân đầu người ở UAE là 24 kg mỗi năm, là một trong những nước tiêu thụ thủy sản lớn nhất trên toàn cầu.

Trong quý I/2020, cá tra, cá basa tiếp tục là mặt hàng xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam sang thị trường UAE, chiếm 86% tổng khối lượng thủy sản xuất khẩu sang thị trường này với khối lượng đạt 5,39 nghìn tấn, trị giá 7,4 triệu USD, tăng mạnh 23,1% về lượng nhưng giảm 12% về trị giá so với quý I/2019.

Ngoài ra, khối lượng xuất khẩu cá ngừ, nghêu, cá đông lạnh sang thị trường UAE cũng tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2019. Tuy nhiên, lượng xuất khẩu tôm và mực sang thị trường này lại giảm 17,6% và 34,9%.

Một số chủng loại thủy sản xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường UAE trong quý I/2020

Chủng loại	Quý I/2020		So với quý I/2019 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Cá tra, basa	5.391	7.408	23,1	-12,0
Tôm các loại	422	4.377	-17,6	10,3
Cá đông lạnh	379	756	7.473	2.233
Cá ngừ các loại	71	555	19,8	-5,6
Mực các loại	4	28	-34,9	-38,5
Nghêu các loại	2	4	183,3	197,2
Thủy sản khác	1	5		

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Mặt hàng gạo:

Tiêu thụ gạo của UAE niên vụ 2019/20 dự báo đạt 740.000 tấn, giảm 20% (185.000 tấn) so với niên vụ 2018/19. Tuy nhiên, tiêu thụ gạo được dự báo sẽ tăng 42% (310.000 tấn) trong niên vụ 2020/21, lên mức 1,050 triệu tấn.

Sự gia tăng dân số tại UAE, sự phục hồi trở lại của ngành du lịch và Hội chợ triển lãm thế giới Expo 2020 sẽ thúc đẩy tiêu thụ gạo của UAE trong niên vụ 2020/21.

Basmati vẫn là loại gạo phổ biến nhất được bán tại UAE, ngoài ra gạo Jasmine cũng được sử dụng thường xuyên.



Trong niên vụ 2020/21, USDA dự báo nhập khẩu gạo của UAE ở mức 1,2 triệu tấn, tăng 20% (200.000 tấn) so với niên vụ 2019/20. Niên vụ 2019/20 nhập khẩu gạo của UAE cũng dự báo tăng 8% (75.000 tấn). Trong đó, Ấn Độ và Thái Lan là 2 thị trường cung cấp gạo lớn nhất cho UAE.

Nhập khẩu gạo trong niên vụ 2020/21 tăng do nhu cầu tiêu thụ UAE tăng và chính sách dự trữ bắt buộc của Chính phủ đối với mặt hàng gạo (tồn kho đủ dùng trong 3-6 tháng). Khoảng 98% lượng gạo nhập khẩu của UAE là xay sát và bán xay sát, trong khi 2% còn lại là gạo lứt và gạo tấm.

Theo thống kê, trong quý I/2020, gạo thơm là mặt hàng được Việt Nam xuất khẩu nhiều nhất sang thị trường UAE, đạt 8,76 nghìn tấn, tăng 2% so với cùng kỳ năm 2019 và chiếm gần 70% tổng khối lượng gạo xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường này.

Đáng chú ý, lượng gạo giống Nhật và gạo nếp xuất khẩu sang thị trường UAE cũng tăng mạnh 102,9% và 265,6% so với quý I/2019. Ngược lại, xuất khẩu gạo trắng và nhóm gạo lứt, gạo hữu cơ giảm 39,8% và 12,2%.



Chủng loại gạo xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường UAE trong quý I/2020

Chủng loại	Quý I/2020		So với quý I/2019 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Gạo thơm	8.763	4.791	2,0	2,2
Gạo giống Nhật	1.909	1.030	102,9	102,1
Gạo trắng	1.738	882	-39,8	-39,4
Gạo nếp	139	91	265,6	302,2
Gạo lứt, gạo hữu cơ...	72	41	-12,2	-19,4

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan



Hàng rau hoa quả:

Trong quý I/2020, kim ngạch xuất khẩu rau hoa quả của Việt Nam sang thị trường UAE tăng mạnh ở một số mặt hàng so với cùng kỳ năm 2019 như: Chanh tăng 49,8%, Ổi tăng 53,9%, lá nho tăng 158,2%, thanh long tăng 7,3%, óc chó tăng 47,1%, hạt dẻ cười tăng 182,2%...

Tuy nhiên, kim ngạch xuất khẩu chôm chôm sang thị trường này giảm 14,9%, cà rốt giảm 14,8%, hạnh nhân giảm 72,7%...

Tham khảo một số chủng loại rau hoa quả xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường UAE trong quý I/2020

Chủng loại	Quý I/2020 (nghìn USD)	So với quý I/2019 (%)
Chanh	4.887	49,8
Ổi	1.367	53,9
Chôm chôm	915	-14,9
Lá nho	854	158,2
Thanh long	607	7,3
Óc chó	587	47,1
Cà rốt	531	-14,8
Hạt dẻ cười	451	182,2
Hạnh nhân	351	-72,7
Xoài	285	177,2
Nho	251	-74,6
Dừa	185	13,1
Dừa hấu	173	105,0
Bưởi	123	1.165,1

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

ĐỒNG THÁP CHÚ TRỌNG XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU NÔNG, THỦY SẢN VÀ ÁP DỤNG CÔNG NGHỆ CAO VÀO SẢN XUẤT



Đồng Tháp là tỉnh nông nghiệp thuộc khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, đa dạng về tài nguyên đất nông nghiệp, hình thành các vùng chuyên canh lớn: lúa, cá, vườn, tràm,... tạo ra các vùng sản xuất hàng hóa tập trung chất lượng cao, cung ứng cho chế biến và xuất khẩu. Tỉnh có điều kiện thuận lợi để phát triển đồng bộ các khu vực kinh tế, xây dựng các khu kinh tế tiểu vùng như khu công nghiệp theo hướng chế biến nông sản và phục vụ nông nghiệp, khu chợ đầu mối gạo - trái cây, khu thương mại tập trung, khu dân cư mới... phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Trong những năm qua, ngành nông nghiệp Đồng Tháp luôn chú trọng đến công tác xây dựng và củng cố thương hiệu nông, thủy sản. Hiện toàn tỉnh có 15 nhãn hiệu ngành hàng nông sản chủ lực, tiêu biểu như: xoài Cát Chu Cao Lãnh, xoài Cao Lãnh, làng hoa kiểng Sa Đéc, quýt hồng Lai Vung và nhãn Châu Thành.

Ngoài 5 nhãn hiệu trên, tỉnh còn 10 nhãn hiệu khác mang tính đặc trưng của Đồng Tháp tiêu thụ mạnh ở thị trường

trong nước và xuất khẩu, phần lớn là gạo như: gạo đặc sản Cỏ May, gạo đặc sản Thơm Lài Sứa, gạo mùa " Miệt Thứ", gạo thơm Ramsar, gạo thơm Hương Tràm...

Nhờ vào thương hiệu nông sản được tỉnh xây dựng, sản lượng nông sản ngày càng phát triển, bình quân hàng năm lúa đạt trên 3,3 triệu tấn, xoài đạt trên 90 nghìn tấn, quýt hồng Lai Vung hơn 30 nghìn tấn, nhãn Châu Thành hơn 50 nghìn tấn và hơn 3 triệu giỏ hoa kiểng...

Bên cạnh đó, Đồng Tháp là một trong các địa phương đứng đầu cả nước về diện tích, sản lượng, kim ngạch xuất khẩu cá tra. Hiện, toàn tỉnh có 20 doanh nghiệp nuôi cá tra xuất khẩu với diện tích hơn 965 ha. Trong thời gian qua, địa phương rất quan tâm đến sản xuất, chế biến, xuất khẩu gắn với xây dựng hình ảnh, thương hiệu cá tra Đồng Tháp theo hướng "phát triển bền vững, đảm bảo chất lượng, thân thiện môi trường và an sinh xã hội".

Trong những năm gần đây, nông dân Đồng Tháp đã chuyển biến từ tư duy lấy sản lượng làm lợi nhuận sang hướng phát

triển kinh tế nông nghiệp chất lượng cao, hiện đại; Từng bước xây dựng được niềm tin với khách hàng với các nông sản có chất lượng. Hiện nay, hàng hóa của Đồng Tháp đã có mặt trên 150 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới; trong đó, châu Á chiếm tỷ trọng 46%, châu Âu 13%, châu Mỹ 35%, thị trường khác 6%.

Tỉnh có nhiều mô hình sản xuất hiện đại, ứng dụng công nghệ cao như: "mô hình canh tác lúa lý tưởng", sản xuất xoài theo tiêu chuẩn VietGAP và GlobalGAP, mô hình "Cây xoài nhà tôi", "Cây cam vườn tôi", "Ruộng nhà mình"... Đặc biệt, mô hình "Hội quán nông dân" là nơi kết nối tri thức, chia sẻ thông tin... giữa các chuyên gia, nhà khoa học, doanh nghiệp với bà con nông dân. Qua đó, kết nối giữa người sản xuất với người tiêu dùng, nâng cao chuỗi giá trị sản phẩm trên địa bàn tỉnh.

Tỉnh Đồng Tháp hiện dẫn đầu khu vực ĐBSCL về số doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp. Trong đó có những dự án quy mô lớn và hiện đại như Dự án Nhà máy thức ăn chăn nuôi ứng dụng công nghệ 4.0, Dự án Trung tâm nghiên cứu và phát triển giống công nghệ cao, sắp tới là Dự án Nhà máy chế biến thực phẩm chất lượng châu Âu với tổng vốn đầu tư lên tới 20 triệu USD của Tập đoàn Mavin (Australia)... Đây là tiền đề quan trọng, góp phần thúc đẩy phát triển nông nghiệp địa phương theo hướng quy mô lớn và hiện đại.

Thời gian tới, Đồng Tháp tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý tiêu chuẩn quốc tế như: ISO, HACCP, TQM, BVQI... và khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng thương mại điện tử trong hoạt động sản xuất kinh doanh, xuất khẩu. Trong đó, lĩnh vực chế biến thủy sản đã có 20 doanh nghiệp hoạt động tốt, công suất lên đến hàng triệu tấn/năm, thu hút 21.000 lao động, xuất khẩu thủy sản sang hơn 100 nước. Có 26 doanh nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi, sản xuất hơn 3 triệu tấn/năm; 644 doanh

niệp, cơ sở chế biến lương thực để xuất khẩu gạo sang hơn 20 nước. Nhiều sản phẩm mới chế tác từ phụ phẩm nông nghiệp được thị trường ưa chuộng và có giá trị cao như: Chả cá, dầu tinh luyện, collagen, dầu cá, thực phẩm chức năng, trái cây sấy, các loại trà và các sản phẩm từ thịt... Như vậy, có thể nói định hướng phát triển công nghiệp, thương mại để hỗ trợ nông nghiệp đã có kết quả rất tốt, thúc đẩy tái cơ cấu ngành nông nghiệp và phát triển công nghiệp chế biến trên địa bàn toàn tỉnh.

Trong quý 1/2020, dịch Covid-19 đã tác động tiêu cực đối với hoạt động xuất khẩu hàng hóa, đặc biệt là các mặt hàng nông sản, trái cây của Đồng Tháp sang Trung Quốc. Tuy nhiên với sự đồng hành của ngành Công Thương cùng với sự nỗ lực của các doanh nghiệp, các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của tỉnh đều đạt được mức tăng trưởng khá so với cùng kỳ năm 2019. Đáng chú ý, các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của tỉnh đều tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2019 như gạo đạt 70.400 tấn với trị giá 28,2 triệu USD, tăng 56,64% về lượng và 44,63% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019; thủy sản chế biến đạt 90.400 tấn, trị giá đạt 211,5 triệu USD, tăng 60,79% về lượng và tăng 23,77% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019. Ngoài các mặt hàng xuất khẩu truyền thống như gạo, thủy sản, bánh phồng tôm..., hiện đã xuất hiện những sản phẩm mới có giá trị gia tăng cao như: Collagen, dầu cá, trái cây chế biến... Sản phẩm xuất khẩu của tỉnh ngày càng phong phú, đa dạng.

Xuất khẩu các mặt hàng nông thủy sản của Đồng Tháp trong nửa sau của quý 2/2020 dự kiến vẫn phải đối mặt với những khó khăn do diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19 trên phạm vi toàn cầu. Để hỗ trợ các doanh nghiệp, Đồng Tháp đã và đang tập trung triển khai các giải pháp tháo gỡ khó khăn, tạo thuận lợi về tiếp cận vốn, tín dụng, tài chính, thuế, thương mại, thanh toán điện tử, tạo thuận lợi cho sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy xuất nhập khẩu cho doanh nghiệp trong tỉnh.

XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI NÔNG SẢN, THỰC PHẨM VIỆT NAM SANG ẤN ĐỘ



Ngày 7/5/2020, Thương vụ - Đại sứ quán Việt Nam tại Ấn Độ đã phối hợp với Cục Xúc tiến Thương mại - Bộ Công Thương Việt Nam và Phòng Thương mại và Công nghiệp các Nhà nhập khẩu Ấn Độ (IICCI) và các đối tác tại Ấn Độ thực hiện chương trình giao thương trực tuyến "Việt Nam - Ấn Độ: Xúc tiến Thương mại nông sản và Thực phẩm chế biến". Khoảng 150 doanh nghiệp Việt Nam và Ấn Độ đã tham dự Hội nghị trực tuyến này.

Ấn Độ là thị trường các doanh nghiệp Việt Nam cần hướng tới và chú trọng nhiều hơn do thị trường này có sức mua ngày càng tăng và có nhu cầu với thực phẩm của Việt Nam.

Ấn Độ là thị trường lớn ở khu vực Nam Á với gần 1,4 tỷ dân, có tiềm năng tiêu thụ đa dạng các sản phẩm nông sản, thực phẩm thế mạnh của Việt Nam như trái cây tươi và chế biến, chè, hạt tiêu, cao su, bánh kẹo, cá tra, các sản phẩm từ ngũ

cốc... Tuy nhiên, lượng và kim ngạch nhập khẩu các mặt hàng này của Việt Nam vào Ấn Độ còn thấp so với sức mua rất lớn của Ấn Độ. Thời gian qua, người dân và doanh nghiệp Ấn Độ đã biết nhiều hơn đến các sản phẩm nông sản, thực phẩm đặc sản của Việt Nam.

Cá basa Việt Nam được nuôi trồng theo tiêu chuẩn, có tính cạnh tranh cao nên được người tiêu dùng Ấn Độ ưa chuộng. Trái thanh long Việt Nam đã có mặt tại nhiều siêu thị, chợ đầu mối, nhà hàng – khách sạn, thậm chí cả ở những tiệc cưới sang trọng tại Ấn Độ.

Mặc dù vậy, nhiều sản phẩm khác của Việt Nam như trái vải miền Bắc, trái chôm chôm từ các miệt vườn lớn tại các tỉnh phía Nam dù thuộc danh mục các loại trái cây ngon với hương vị đặc biệt đã được nhiều người Ấn Độ biết đến vẫn chưa được xuất khẩu sang Ấn Độ.

Chủ tịch IICCI Atul Kumar Saxena khuyến nghị 10 sản phẩm nông sản Việt Nam có nhiều tiềm năng xuất khẩu như cà phê, chè, hạt điều, ca cao, gia vị, gạo, đường, nước dừa, bánh quy, thanh long, sản phẩm chế biến từ quả me...

Việt Nam cần tăng cường quảng bá, xây dựng thương hiệu cho các mặt hàng xuất khẩu thế mạnh của Việt Nam tới thị trường Ấn Độ nhiều hơn nữa trong thời gian tới để mọi tầng lớp nhân dân Ấn Độ biết đến và tiêu thụ.

BỘ CÔNG THƯƠNG VÀ VCCI KẾT NỐI THỊ TRƯỜNG, ĐẨY MẠNH XUẤT KHẨU

Dịch Covid-19 khiến thị trường tiêu thụ của hàng hóa Việt Nam bị ảnh hưởng, Bộ Công Thương và Phòng Thương mại Công nghiệp Việt Nam (VCCI) đã cùng triển khai các biện pháp giúp kết nối thị trường, đẩy mạnh xuất khẩu.

Ngay khi bắt đầu có tình trạng ùn ứ tại các cặp cửa khẩu, lối mở giữa Việt Nam và Trung Quốc, ảnh hưởng tới lưu thông hàng hóa, Bộ Công Thương đã nhanh chóng phối hợp với VCCI lấy ý kiến doanh nghiệp, tham mưu với Thủ tướng Chính phủ có Công điện số 224/CT-ĐT cho

phép tiếp tục hoạt động xuất nhập khẩu, vận chuyển hàng hóa qua cửa khẩu phụ Tân Thanh và Cốc Nam, tỉnh Lạng Sơn và lối mở Km3+4 phường Hải Yên, tỉnh Quảng Ninh.

Bộ Công Thương cũng đã chủ động đề xuất với Bộ Y tế xây dựng quy trình kiểm soát, phòng chống dịch bệnh thống nhất cho xuất nhập khẩu hàng hóa, xuất nhập cảnh phương tiện và người điều khiển phương tiện để áp dụng tại các cửa khẩu biên giới phía Bắc.

Vì vậy, đến nay, hoạt động thông quan qua các cửa khẩu biên giới phía Bắc cũng như xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc đã tích cực trở lại. Theo Cục Xúc tiến thương mại (Bộ Công Thương), không chủ quan trước tình hình, Bộ Công Thương tiếp tục theo dõi chặt chẽ, thường xuyên trao đổi với UBND các tỉnh, thành phố, VCCI... khuyến nghị người nông dân, doanh nghiệp điều tiết sản lượng và số lượng hàng hóa lên biên giới.

Bên cạnh đó, dịch bệnh buộc các thị trường xuất khẩu chính và quan trọng của Việt Nam như: Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, EU, Mỹ... siết chặt xuất, nhập cảnh nhằm hạn chế virus lây lan dẫn đến nhiều hoạt động xúc tiến thương mại không thể triển khai theo kế hoạch. Đồng thời, hạn chế đáng kể cơ hội kết nối thị trường của doanh nghiệp.

Trước tình hình đó, Bộ Công Thương đã phối hợp với VCCI hướng dẫn doanh nghiệp áp dụng các hình thức xúc tiến thương mại mới, kết nối thị trường thông qua nền tảng số, trên môi trường Internet... Đặc biệt, hệ thống phần mềm quản lý quan hệ khách hàng tích hợp cơ sở dữ liệu doanh nghiệp xuất nhập khẩu của Việt Nam đã được hoàn thiện và chia sẻ quyền truy cập cho các thương vụ, trung tâm xúc tiến thương mại tại nước ngoài để tăng cường khả năng kết nối cơ hội kinh doanh, đầu tư cho doanh nghiệp trong nước.

Đề án "Tổ chức kết nối giao thương trực tuyến trên các ứng dụng Internet (webinar)" của Bộ Công Thương cũng

đã được triển khai. Hàng trăm lượt giao thương trực tuyến giữa doanh nghiệp Việt Nam và các đối tác trên khắp thế giới như Trung Quốc, Canada, Nepal, Ấn Độ, Singapore, Sri Lanka, Thổ Nhĩ Kỳ, Uzbekistan... đã được tổ chức. Với hiệu quả đã đạt được, Bộ Công Thương đã lập kế hoạch phối hợp với VCCI tổ chức nhiều hội thảo giao thương trực tuyến, hỗ trợ doanh nghiệp trong nước có thêm các cơ hội kết nối thị trường, phát triển thị phần.



Đặc biệt, để tận dụng triệt để các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (FTA) đã và sắp có hiệu lực cho thúc đẩy xuất khẩu, với vai trò là thành viên của Ban Chỉ đạo liên ngành hội nhập quốc tế về kinh tế, Bộ Công Thương và VCCI tiếp tục kết hợp chặt chẽ phổ biến về cam kết của các FTA. Sẵn sàng hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp tháo gỡ vướng mắc phát sinh trong quá trình thực thi cam kết.

Trong thời gian tới, Bộ Công Thương cũng sẽ tiếp tục phối hợp với VCCI và các hiệp hội ngành hàng, địa phương nghiên cứu xây dựng một số đề án xúc tiến thương mại mang tính cấp bách, tính khả thi cao để triển khai ngay, hỗ trợ doanh nghiệp giải quyết khó khăn về thị trường tiêu thụ.

Ngày 7/5/2020, tại trụ sở Bộ Công Thương, Chương trình phối hợp hoạt động giữa Bộ Công Thương với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) chính thức được ký kết. Chương trình này sẽ là tiền đề quan trọng cho những hoạt động thiết thực, hiệu quả phục vụ công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nói chung và cộng đồng doanh nghiệp, doanh nhân nói riêng.

VÙNG XOÀI YÊN CHÂU XUẤT KHẨU CHÍNH NGẠCH 30 TẤN ĐẦU TIÊN SANG TRUNG QUỐC

Sau lễ công bố lô xoài đầu tiên năm 2020 xuất khẩu, 30 tấn xoài da xanh Yên Châu đã được vận chuyển sang Trung Quốc theo đường chính ngạch

Huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La có hơn 2.700 ha xoài, trong đó hơn 170 ha có mã vùng trồng đi các nước và gần 130 ha được cấp chứng chỉ VietGAP. Những năm trở lại đây, các hợp tác xã trồng xoài luôn xác định lấy tiêu chuẩn chất lượng quả là yếu tố hàng đầu để không chỉ đưa quả xoài Yên Châu đến các siêu thị nội địa mà còn hướng tới xuất khẩu ra các thị trường khó tính.

Năm nay, gần 900 ha xoài của huyện Yên Châu sẽ cho thu hoạch, ước đạt gần 13.000 tấn quả, trong đó sẽ có hơn 3.200 tấn đạt tiêu chuẩn để xuất khẩu. Với chất

lượng đồng đều, quả to, dày, thơm ngọt, xoài da xanh Yên Châu được các doanh nghiệp đánh giá cao và thu mua để xuất khẩu đi Trung Quốc theo đường chính ngạch.

Thời gian qua, huyện Yên Châu nói riêng, tỉnh Sơn La nói chung đã đẩy mạnh xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu tiêu thụ cả thị trường trong và ngoài nước, thị trường ngày càng được mở rộng, nhiều doanh nghiệp, bạn hàng đối tác trong và ngoài nước đã biết đến thương hiệu sản phẩm xoài Yên Châu. Từ đó, người dân và các hợp tác xã đã chú trọng nâng cao chất lượng sản phẩm, tạo công ăn việc làm ổn định và phát triển nông nghiệp hàng hoá chất lượng cao theo hướng bền vững, nhất là trước sự ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19.

GIAO THƯƠNG:

DOANH NGHIỆP NHẬT BẢN CẦN NHẬP KHẨU ĐŨA TRE/GỖ DÙNG MỘT LẦN

Doanh nghiệp có khả năng cung cấp liên hệ tới Thương vụ Việt Nam tại Nhật Bản: jp@moit.gov.vn

Doanh nghiệp Việt Nam có khả năng giao dịch bằng tiếng Nhật có thể liên hệ trực tiếp với đối tác Nhật Bản theo đầu mối sau:

Mr. Kenichi Honma

Ogawa Trading Co.,LTD / YAOKO Group

Add: 1-10-1, Arajukucho, Kawagoe-shi, Saitama, 350-1124, Japan

TEL: +81-49-246-7506-Mob: +81-090-6726-8108

E-mail: ke-honma@yaoko-net.com Website: <https://www.yaoko-net.com>



THUẾ CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ CHO CÁ TRA VIỆT NAM VÀO MỸ GIẢM

Ngày 29/4/2020, Văn phòng Đăng ký Liên bang Mỹ (Federal Register) đã chính thức công bố kết quả cuối cùng đợt xem xét hành chính lần thứ 15 (POR15) đối với các lô hàng xuất khẩu cá tra Việt Nam vào thị trường Mỹ trong giai đoạn từ ngày 01/8/2017 – 31/7/2018.

Theo đó, hai doanh nghiệp xuất khẩu cá tra Việt Nam: Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF (doanh nghiệp bị đơn bắt buộc -NTSF SEAFOODS) và Công ty Cổ phần XNK Thủy sản Cần Thơ (doanh nghiệp bị đơn tự nguyện - CASEAMEX) được hưởng mức thuế suất là 0,15 USD/kg

Các doanh nghiệp Việt Nam còn lại xuất khẩu cá tra sang Mỹ hưởng mức thuế bằng mức thuế suất toàn quốc là: 2,39 USD/kg.

Đây là tin vui đối với xuất khẩu cá tra Việt Nam nói chung và NTSF SEAFOODS;

CASEAMEX nói riêng vì so với mức thuế suất của đợt rà soát trước (POR14), mức thuế đợt này đã được giảm đi đáng kể từ 1,37 USD/kg (đối với NTSF SEAFOODS) giảm xuống còn 0,15 USD/kg.

Ngoài ra, hai doanh nghiệp xuất khẩu cá tra lớn nhất sang thị trường Mỹ là: Vĩnh Hoàn Corp và Biển Đông Seafood vẫn được giữ mức thuế suất lần lượt là: 0% và 0,19% trong đợt xem xét POR15.

Với mức thuế chống bán phá giá giảm mạnh thêm cho hai doanh nghiệp, cá tra Việt Nam sẽ có thêm hi vọng và cơ hội để mở rộng đường xuất khẩu sang thị trường Mỹ. Tuy nhiên, cho tới thời điểm này, dịch bệnh Covid-19 vẫn đang làm gián đoạn hoạt động xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp Mỹ. Do đó, có thể phải đến hết quý 2/2020, xuất khẩu cá tra Việt Nam mới tăng xuất khẩu trở lại vào thị trường Mỹ.

NGAO HAI CÙI ĐÃ ĐƯỢC PHÉP XUẤT KHẨU CHÍNH NGẠCH VÀO TRUNG QUỐC

Ngày 10/5/2020, Vụ Giám sát kiểm dịch động thực vật, Tổng cục Hải quan Trung Quốc đã chấp thuận bổ sung ngao hai cù vào danh sách các loài động vật thủy sản của Việt Nam được phép nhập khẩu vào thị trường Trung Quốc.

Ngao hai cù (hay còn gọi là ngao hai cồi, ngao giá) được nuôi chủ yếu tại huyện Vân Đồn (tỉnh Quảng Ninh). Trong đó, 90% sản lượng xuất bán sang Trung Quốc theo đường tiểu ngạch, 10% phục vụ nhu cầu nội địa, chủ yếu dành cho khách du lịch. Hàng năm tổng sản lượng ngao hai cù của tỉnh Quảng Ninh là khoảng 10.000 - 12.000 tấn.

Thời gian vừa qua, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, toàn tỉnh Quảng Ninh có trên 3.000 tấn ngao hai cù gặp khó khăn cho việc tiêu thụ, giá giảm mạnh. Thực tế, lượng ngao hai cù tồn đọng có thể lên đến 7.000 - 8.000 tấn do có nhiều hộ nuôi trồng tự phát, nhiều hộ có giấy phép nhưng lại nuôi vượt quá diện tích được cấp.

Theo đó, tỉnh đã đề xuất Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đề nghị phía Trung Quốc bổ sung danh mục sản phẩm thủy sản được phép nhập khẩu vào Trung Quốc, gồm: Sứa muối phèn, ngao hai cù và rươi.

GIÁ NÔNG SẢN TOÀN CẦU TĂNG TRỞ LẠI TRONG NỬA ĐẦU THÁNG 5/2020

Trong nửa đầu tháng 5/2020, giá hầu hết các mặt hàng nông sản trên thị trường thế giới tăng trở lại sau khi nhiều quốc gia đã nới lỏng chính sách phong tỏa hoặc giãn cách xã hội. Trong đó, Australia, Pháp và Tây Ban Nha bắt đầu nới lỏng những chính sách giãn cách xã hội, trong khi Anh – nước có số ca tử vong vì Covid-19 cao thứ 2 thế giới cũng đã đưa ra một số chính sách nới lỏng các hạn chế.

Tuy nhiên, thị trường vẫn tỏ ra thận trọng trước những nguy cơ dịch bệnh sẽ gia tăng trở lại.

Kết thúc phiên giao dịch ngày 13/5/2020, giá đậu tương tại Mỹ tăng 2% so với cuối tháng 4/2020, đạt 850,5 UScent/bushel. Tương tự, giá ngô kỳ hạn tháng 7/2020 trên sàn Chicago tăng 2,9%, đạt 321 UScent/bushel.

Giá đường thô kỳ hạn tương lai trên sàn New York tăng tới 10,5% trong nửa đầu tháng 5/2020 do giá dầu hồi phục, mặc dù đồng Real Braxin yếu đi và lo ngại tiêu thụ đường sẽ giảm trong bối cảnh Covid-19 có dấu hiệu diễn biến phức tạp hơn. Giá năng lượng tăng có thể khiến các nhà máy chế biến mía Braxin chuyển hướng tăng cường sản xuất ethanol.

Trên thị trường cà phê, giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 7 ổn định ở mức 1,0735 USD/lb; trong khi cà phê Robusta giao cùng kỳ hạn tăng 5,4% so với cuối tháng 4/2020, lên mức 1.180 USD/tấn. Giá cà phê Robusta tăng do lo ngại tồn kho trên sàn London giảm liên tục xuống ở mức khá thấp bởi giãn cách xã hội khiến việc vận chuyển cà phê đến châu Âu - thị trường tiêu thụ lớn nhất thế giới gặp nhiều khó khăn trong thời gian qua. Ngược lại, giá cà phê Arabica giữ ổn định do áp lực bán hàng vụ mới từ Braxin và đồng Real đã chạm mức thấp lịch sử. Trong thời

gian tới, việc tháo dỡ các biện pháp giãn cách xã hội sẽ thúc đẩy tiêu thụ cà phê toàn cầu tăng trưởng trở lại.

Giá cao su trên sàn Tocom Nhật Bản cũng tăng nhẹ 1,2% so với nửa cuối tháng 4/2020 do tình hình dịch bệnh của Trung Quốc đã được kiểm soát tốt từ đầu tháng 3 đến nay. Trong khi đó, các quốc gia sản xuất ô tô lớn khác cũng đang vượt qua đỉnh điểm của dịch bệnh, các hoạt động sản xuất và thương mại đang dần được nối lại.

Thị trường gạo cũng có một số biến động trong nửa đầu tháng 5/2020. Trong đó, giá gạo đỏ 5% tấm của Ấn Độ tăng 4 USD/tấn, đạt 378 - 383 USD/tấn. Nhu cầu gạo Ấn Độ từ người mua châu Á và châu Phi đang dần cải thiện do giá gạo Ấn Độ đang cạnh tranh hơn so với gạo Thái Lan. Đồng Rupee yếu cũng giúp tăng lợi nhuận của các nhà xuất khẩu.

Tại Thái Lan, giá gạo trắng 5% tấm của Thái Lan đã giảm 10 USD/tấn so với cuối tháng 4/2020, dao động ở mức 515 - 546 USD/tấn. Một trong những đợt hạn hán tồi tệ nhất trong nhiều thập kỷ đầu năm nay đã gây căng thẳng cho nguồn cung và đẩy giá gạo Thái Lan lên mức cao nhất trong khoảng 7 năm vào đầu tháng 4/2020. Nhưng những lo ngại về nguồn cung hiện đã giảm bớt do những cơn mưa gần đây và dự báo sẽ có nhiều hơn ở các vùng trồng lúa của nước này.



Tham khảo giá một số nông sản thế giới đến ngày 13/5/2020

Hàng hóa	ĐVT	Ngày 13/5/2020	So với ngày 28/4/2020 (%)	So với ngày 13/01/2020 (%)	So với ngày 1/1/2019 (%)
Ngô CBOT	UScent/bushel	321,3	2,9	-17,0	-14,6
Lúa mì CBOT	UScent/bushel	510,5	-2,4	-9,5	0,4
Lúa mạch	UScent/bushel	303,0	7,0	-1,4	8,9
Đậu tương	UScent/bushel	850,5	2,0	-10,0	-6,2
Khô đậu tương	USD/tấn	292,3	0,6	-3,8	-6,3
Dầu đậu tương	UScent/bushel	26,4	4,2	-23,1	-6,6
Hạt cải	CAD/tấn	472,7	2,6	-2,2	-2,8
Ca cao	USD/tấn	2.382,0	2,2	-8,0	-1,1
Đường thô	UScent/lb	10,2	10,5	-27,7	-14,4
Nước cam	UScent/lb	115,7	3,1	19,1	-5,9
Cà phê Robusta	USD/tấn	1.180,0	5,4	-8,3	-22,8
Cà phê Arabica	UScent/lb	106,6	0,3	-10,4	2,4
Gỗ xẻ	USD/1000 board feet	357,7	16,0	-14,1	6,8
Gạo đỏ 5% tấm Ấn Độ	USD/tấn	383,0	1,1	4,6	-0,3
Gạo trắng 5% tấm Thái Lan	USD/tấn	546,0	-1,8	25,5	40,0
Cao su Toccom	JPY/kg	152,1	1,2	-24,5	-9,5

Nguồn: Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại tổng hợp

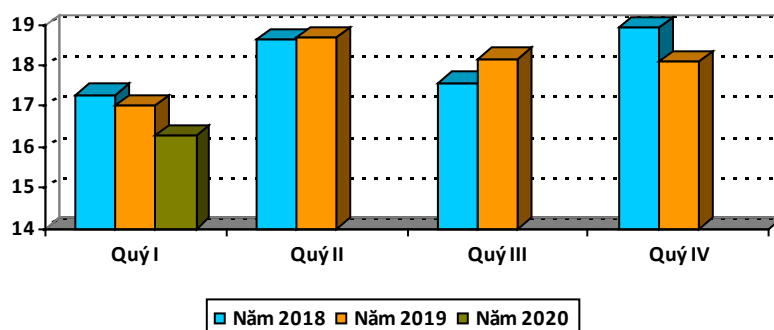
NHẬP KHẨU HÀNG NÔNG, LÂM, THỦY SẢN VÀO NHẬT BẢN GIẢM 4,4% TRONG QUÝ I/2020

Theo thống kê từ Trung tâm Thương mại Quốc tế (Intracen), Nhật Bản có nhu cầu cao đối với hàng nông, lâm, thủy sản và hàng năm phải nhập khẩu khoảng 72 tỷ USD các mặt hàng nông, lâm, thủy sản. Tính riêng quý I/2020, nhập khẩu nhóm hàng này vào Nhật Bản đạt 16,28 tỷ USD, giảm 4,4% so với cùng kỳ năm 2019.



Nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản vào Nhật Bản qua các quý

(Đvt: tỷ USD)



Nguồn: Intracen

Trong cơ cấu hàng nông, lâm, thủy sản nhập khẩu vào Nhật Bản quý I/2020, nước này chủ yếu nhập khẩu gỗ và nguyên liệu gỗ (HS 44 và 94) chiếm 17% tổng trị giá nhập khẩu; tiếp đến là thịt và phụ phẩm dạng thịt (HS 02), chiếm 15,24%; thủy sản chưa qua chế biến (HS 03) chiếm 14,1%; ngũ cốc chiếm 9,79%; các sản phẩm chế biến từ thịt cá (HS 16) chiếm 8,59%...

Nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản vào Nhật Bản giảm trong quý I/2020 so với cùng kỳ năm 2019 là do nhập khẩu giảm ở một số mặt hàng như gỗ nguyên liệu (HS 44) giảm 12,1%; đồ nội thất bằng gỗ (HS 94) giảm 3,7%, trong đó, nhập khẩu đồ gỗ nội thất sử dụng trong văn phòng giảm 24,6% và đồ gỗ nội thất sử dụng trong nhà bếp giảm 8,3%; nhập khẩu thủy sản

chưa qua chế biến giảm 15,7%; Hạt và quả có dầu; các loại ngũ cốc, hạt và quả khác; cây công nghiệp hoặc cây dược liệu; rơm rạ và cây làm thức ăn gia súc (HS 12) giảm 3,5%; nhập khẩu hàng rau (HS 07) giảm 6,1%; cà phê giảm 19,1%...

Trái lại, nhập khẩu một số mặt hàng nông, lâm, thủy sản khác vào Nhật Bản vẫn tăng trong quý I/2020 như nhập khẩu thịt và phụ phẩm dạng thịt tăng 6,8%; ngũ cốc tăng 2,9%; sản phẩm chế biến từ rau, quả (HS 20) tăng 3,2%; quả và quả hạch (HS 08) tăng 7,4%; nhập khẩu động vật sống (HS 01) tăng 18,3% và đặc biệt, nhập khẩu nguyên liệu thực vật dùng để tết bện; các sản phẩm thực vật chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác (HS 14) tăng 59,9%...

Một số mặt hàng nông, lâm, thủy sản nhập khẩu vào Nhật Bản quý I/2020

Mặt hàng		Nhật Bản nhập khẩu từ thế giới		So sánh (%)	Thị phần hàng Việt Nam tại Nhật Bản (%)	
		(Đvt: nghìn USD)			Quý I/2020	Quý I/2019
HS	Diễn giải	Quý I/2020	Quý I/2019		Quý I/2020	Quý I/2019
	Tổng	16.279.932	17.029.244	-4,4	4,36	3,79
02	Thịt và phụ phẩm dạng thịt ăn được	2.480.665	2.323.634	6,8	0,00	0,00
44	Gỗ và các mặt hàng bằng gỗ; than củi	2.390.214	2.718.828	-12,1	10,71	8,53
03	Cá và động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác	2.297.496	2.724.375	-15,7	4,65	4,31
10	Ngũ cốc	1.593.367	1.548.191	2,9	0,00	0,01
1006	Gạo	176.115	170.852	3,1	0,02	0,09
16	Các sản phẩm chế biến từ thịt, cá, động vật giáp xác hay động vật thân mềm, hoặc động vật không xương sống sống dưới nước khác	1.398.780	1.474.537	-5,1	8,26	6,74
12	Hạt và quả có dầu; các loại ngũ cốc, hạt và quả khác; cây công nghiệp hoặc cây dược liệu; rơm rạ và cây làm thức ăn gia súc	1.090.490	1.129.728	-3,5	0,15	0,21
20	Sản phẩm chế biến từ rau, quả, hạt và các phần khác của cây	825.694	800.329	3,2	1,98	1,26
08	Quả và quả hạch ăn được; vỏ quả thuộc chi cam quýt hoặc các loại dưa	750.929	699.296	7,4	1,21	0,91
080132	Hạt điều	23.150	23.078	0,3	24,89	14,18
07	Rau và một số loại củ, thân củ, rễ ăn được	576.067	613.500	-6,1	1,79	1,47
04	Sữa và các sản phẩm từ sữa; trứng chim và trứng gia cầm; mật ong tự nhiên; sản phẩm ăn được gốc động vật, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác	448.660	485.622	-7,6	0,12	0,15

Mặt hàng		Nhật Bản nhập khẩu từ thế giới		So sánh (%)	Thị phần hàng Việt Nam tại Nhật Bản (%)	
		(Đvt: nghìn USD)			Quý I/2020	Quý I/2019
HS	Diễn giải	Quý I/2020	Quý I/2019		Quý I/2020	Quý I/2019
21	Các sản phẩm chế biến ăn được khác	415.032	422.229	-1,7	4,09	3,51
09	Cà phê, chè, chè Paraguay và các loại gia vị	409.911	448.930	-8,7	13,27	9,14
0901	Cà phê	283.419	328.914	-13,8	17,95	11,52
	Chè	45.471	42.406	7,2	0,63	0,65
0902	Chè, đã hoặc chưa pha hương liệu	45.404	42.315	7,3	0,63	0,65
0903	Chè đặc sản	67	91	-26,4	-	-
0904	Hạt tiêu	10.427	10.006	4,2	20,35	18,62
090411	Hạt tiêu chưa xay hoặc nghiền	5.769	5.674	1,7	13,43	9,22
090413	Hạt tiêu đã xay hoặc nghiền	4.658	4.332	7,5	28,92	30,93
40	Cao su và các sản phẩm bằng cao su	388.717	423.746	-8,3	1,19	1,10
18	Cacao và các sản phẩm chế biến từ cacao	220.918	227.397	-2,8	0,38	0,09
06	Cây sống và các loại cây trồng khác; củ, rễ và các loại tương tự; cành hoa rời và các loại cành lá trang trí	138.435	145.786	-5,0	6,94	5,85
05	Các sản phẩm gốc động vật, chưa được chi tiết hoặc ghi ở các chương khác	133.008	143.267	-7,2	1,02	0,51
11	Các sản phẩm xay xát; malt; tinh bột; inulin; gluten lúa mì	120.898	123.066	-1,8	0,55	0,15

Nguồn: Intracen

Ảnh hưởng của dịch Covid-19 đã tác động lớn đến hoạt động thương mại của Nhật Bản. Theo dữ liệu từ Trung tâm thương mại quốc tế (Intracen), nhập khẩu hàng hóa vào Nhật Bản trong quý I/2020 đạt mức thấp nhất trong 3 năm trở lại đây, chỉ đạt 168,2 tỷ USD, giảm từ mức 179,1 tỷ USD trong quý I/2019 và mức 185,4 tỷ USD trong quý I/2018.

Trước những lo ngại từ dịch Covid-19, mới đây, Chính phủ Nhật Bản đã quyết định kéo dài tình trạng khẩn cấp trên toàn quốc tới cuối tháng 5, tức là thêm gần 1 tháng nữa so với dự kiến ban đầu là chỉ đến ngày 6/5/2020. Quyết định này sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến hoạt động thương mại của Nhật Bản, dự báo, nhập khẩu hàng hóa nói chung, hàng nông, lâm, thủy sản nói riêng vào Nhật Bản sẽ tiếp tục giảm trong quý II/2020.

Thị phần nhiều mặt hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam tại Nhật Bản tăng trong quý I/2020

Trong bối cảnh nhập khẩu nhiều mặt hàng nông, lâm, thủy sản vào Nhật Bản giảm trong quý I/2020, đặc biệt, thị phần nhóm hàng này của nhiều quốc gia nhập khẩu lớn của Nhật Bản giảm mạnh thì một số mặt hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam vẫn tăng thị phần tại Nhật Bản. Trong đó, có 3 mặt hàng đạt thị phần lớn tại Nhật Bản là đồ nội thất bằng gỗ, hạt điều và hạt tiêu. Đáng chú ý, thị phần các mặt hàng này tại Nhật Bản đều tăng trong quý I/2020 so với quý I/2019, trong đó, thị phần mặt hàng hạt điều tăng mạnh nhất, tăng từ 14,2% quý I/2019 lên 24,89% quý I/2020; tiếp đến là mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ tăng từ 24,75% lên 27,31%; mặt hàng hạt tiêu tăng từ 40,15% lên 42,35%.

Đối với đồ nội thất bằng gỗ: Hiện Việt Nam là một trong những nhà cung cấp lớn nhất đồ nội thất phòng bếp và phòng ngủ tại Nhật Bản

Trong đó, đối với đồ nội thất phòng ngủ, Việt Nam có thị phần đứng thứ hai

sau Trung Quốc. Trong quý I/2020, thị phần đồ nội thất phòng ngủ của Việt Nam tại Nhật Bản đã tăng lên 42,5% từ mức 36,1% trong quý I/2019; trái lại, thị phần đồ nội thất phòng ngủ của Trung Quốc tại Nhật Bản giảm xuống còn 47,4% từ mức 53,3%.

Với mặt hàng đồ nội thất phòng bếp, Philippin và Việt Nam là 2 nguồn cung chính mặt hàng này vào Nhật Bản, chiếm 83,2% thị phần tại Nhật Bản trong quý I/2020. Đáng chú ý, thị phần đồ nội thất của Philippin đang có xu hướng giảm tại Nhật Bản, giảm từ 46,5% trong quý I/2019 xuống 42,3% trong quý I/2020, trái lại thị phần mặt hàng này của Việt Nam tại Nhật Bản có xu hướng tăng, tăng từ mức 35,5% trong quý I/2019 lên 40,9% trong quý I/2020.

Đối với mặt hàng hạt điều: Ấn Độ và Việt Nam là 2 nguồn cung hạt điều lớn nhất vào Nhật Bản, chiếm 99,1% thị phần. Trong đó, thị phần hạt điều Ấn Độ tại Nhật Bản chiếm 74,2% trong quý I/2020, giảm từ mức 85,6% trong quý I/2019, trái lại, thị phần hạt điều Việt Nam tại Nhật Bản chiếm 24,9%, tăng từ mức 14,2% trong quý I/2019.

Đối với mặt hàng hạt tiêu: Hiện Malaysia, Việt Nam và Indonesia là 3 nguồn cung hạt tiêu lớn nhất vào Nhật Bản, chiếm 76,6% thị phần. Đáng chú ý, nhập khẩu hạt tiêu từ Indonesia và Ấn Độ vào Nhật Bản đã giảm mạnh trong quý I/2020, giảm lần lượt là 33,2% và 82,19%



so với quý I/2019, trái lại, nhập khẩu hạt tiêu từ Malaysia và Việt Nam tăng, với mức tăng lần lượt là 16,35% và 13,9%.

Hiện các nguồn cung hàng nông sản vào Nhật Bản chủ yếu là từ khu vực châu Á như Trung Quốc, Ấn Độ, Malaysia, Indonesia... Việc thị phần nhiều mặt hàng nông sản của Việt Nam tăng trong thời gian qua cho thấy Nhật Bản ngày càng chú trọng đến hàng nông, lâm, thủy sản Việt Nam và đây là cơ sở để Việt Nam đẩy mạnh hơn nữa xuất khẩu nhóm hàng này sang Nhật Bản.

Mới đây, các Bộ trưởng Kinh tế ASEAN – Nhật Bản đã chính thức thông qua “Tuyên bố chung của các Bộ trưởng Kinh tế ASEAN – Nhật Bản về sáng kiến phục hồi kinh tế ứng phó với dịch Covid-19” nhằm ứng phó với những hậu quả về kinh tế và chuỗi cung ứng do sự bùng phát của dịch Covid-19 gây ra. Tuyên bố đã thống nhất các nguyên tắc chung về hợp tác kinh tế như: cam kết nỗ lực duy trì mở cửa thị trường và ngăn chặn sự đình trệ của các hoạt động kinh tế, củng cố, xây dựng chuỗi cung ứng khu vực và toàn cầu bền vững, đa dạng, đảm bảo lưu thông các mặt hàng thiết yếu; tìm kiếm các giải pháp sáng tạo như kỹ thuật số để đảm bảo sự hoạt động liên tục của các doanh nghiệp, bao gồm cả các doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ (MSMEs)... Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, việc các Bộ trưởng Kinh tế ASEAN- Nhật Bản bắt tay đưa ra những nguyên tắc chung về hợp tác kinh tế sẽ thúc đẩy các hoạt động thương mại giữa các nước. Trong thời gian tới, các Bộ trưởng ASEAN và Nhật Bản cũng nhất trí sẽ thúc đẩy thống nhất “Kế hoạch hành động để phục hồi kinh tế ASEAN – Nhật Bản” để sớm triển khai các biện pháp cụ thể nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp hai bên ứng phó với hậu quả của dịch Covid-19, củng cố chuỗi cung ứng khu vực và toàn cầu, hồi phục nền kinh tế ASEAN và Nhật Bản.

► Chỉ số giá thực phẩm FAO (FFPI) đạt trung bình 165,5 điểm trong tháng 4/2020, giảm 5,7 điểm (3,4%) so với tháng 3/2020 và là mức thấp nhất kể từ tháng 1/2019. Suy giảm chỉ số giá thực phẩm tháng 4 đánh dấu tháng suy giảm thứ 3 liên tiếp, chủ yếu do một số tác động tiêu cực lên thị trường thực phẩm quốc tế do đại dịch Covid-19 tác động nghiêm trọng lên hoạt động kinh tế và logistics. Trong tháng 4/2020, ngoại trừ chỉ số giá ngũ cốc giảm nhẹ, tất cả các chỉ số phụ khác đều ghi nhận giảm mạnh trong tháng 4 so với tháng 3, đặc biệt là chỉ số giá đường.



► Philippin đang tìm nguồn nhập khẩu thêm 300.000 tấn gạo để tăng cường kho dự trữ chính phủ trong cuộc chiến chống đại dịch Covid-19 và chuẩn bị cho mùa nguồn cung thấp điểm hàng năm vào quý III. Hợp đồng chính phủ để nhập khẩu 300.000 tấn gạo sẽ đưa tổng lượng nhập khẩu gạo của Philippin lên mức kỷ lục 3 triệu tấn gạo trong năm 2020. Nhu cầu mới này từ Philippin, nước nhập khẩu gạo lớn nhất thế giới, có thể đẩy giá gạo xuất khẩu tại châu Á tiếp tục tăng giữa bối cảnh giá gạo hiện đã ở mức cao nhất trong vòng 2 năm.

► Theo số liệu của Bộ Công Thương Ấn Độ, xuất khẩu gạo trong 10 tháng đầu năm tài chính 2019/20 (tháng 4/2019 đến tháng 1/2020) của nước này đạt hơn 9.87 triệu tấn, trị giá 5,02 tỉ USD, giảm 18% về

lượng và giảm 7,4% về trị giá so với cùng kỳ năm tài chính 2018/19. Xuất khẩu gạo của Ấn Độ giảm do nhu cầu từ các thị trường chính ở châu Á, châu Phi sụt giảm. Đồng thời với lệnh phong tỏa toàn quốc vì Covid-19 đã làm gián đoạn tới hoạt động kinh doanh xuất khẩu gạo tại Ấn Độ.

► Theo Sở Công Thương tỉnh An Giang, trong tháng 4/2020, An Giang chỉ xuất khẩu được 12.000 tấn gạo, trị giá 4,1 triệu USD, chỉ bằng 30% về lượng và 19% về kim ngạch so tháng 4/2019. Tính chung 4 tháng đầu năm 2020, An Giang xuất khẩu trên 139.000 tấn gạo, trị giá 68 triệu USD, giảm 16% về lượng và 19% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019. Theo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang, sản lượng lúa của toàn tỉnh trong quý I/2020 ước đạt hơn 1,702 triệu tấn, tăng 23.800 tấn so cùng kỳ năm 2019, trong đó vụ mùa đạt 20.300 tấn, tăng 1.245 tấn; vụ đông xuân 2019/20 đạt 1,682 triệu tấn, tăng 22.600 tấn. Hiện nay, các địa phương cũng đã cơ bản xuống giống vụ Hè Thu, chuẩn bị các điều kiện để tăng diện tích vụ thu đông 2020. Do vậy, sản lượng lúa của An Giang năm nay dự kiến trên 4 triệu tấn, cao hơn năm 2019 và các năm trước đó.

► Tổng thống Mỹ Donald Trump mới đây thông báo, nước này sẽ mua khoảng 3 tỷ USD nông sản, trong đó chủ yếu là các chế phẩm từ sữa và thịt để hỗ trợ các nhà sản xuất trong nước chịu tác động của dịch Covid-19, trong bối cảnh Mỹ đang chứng kiến số lượng người xin trợ cấp thất nghiệp tăng cao kỷ lục và nhiều người dân buộc phải xin hỗ trợ của các ngân hàng lương thực. Hiện chưa rõ thông báo có nằm trong kế hoạch cứu trợ trị giá 19 tỷ USD được Bộ Nông nghiệp Mỹ công bố hồi tháng 4/2020 hay không. Bộ này trước đó thông báo sẽ mua 3 tỷ USD nông sản theo kế hoạch.